

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN²³

(Áp dụng cho cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Quý...(Từ tháng....đến tháng....) Năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: -

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: -

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|---|-------------|--------------------------|
| I | Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công: | | |
| 1 | Cá nhân có thu nhập ổn định theo quý không phải nộp tờ khai các quý tiếp theo | [21] | <input type="checkbox"/> |

²³ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

| | | | |
|-----------|---|------|--|
| 2 | Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ | [22] | |
| 3 | Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định | [23] | |
| | Tổng các khoản giảm trừ | [24] | |
| 4 | a Cho bản thân | [25] | |
| | b Cho người phụ thuộc | [26] | |
| | c Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học | [27] | |
| | d Các khoản đóng bảo hiểm được trừ | [28] | |
| | e Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ | [29] | |
| 5 | Tổng thu nhập tính thuế | [30] | |
| 6 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ | [31] | |
| 7 | Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế | [32] | |
| 8 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân được giảm | [33] | |
| 9 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp | [34] | |
| II | Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công: | | |
| 1 | Tổng thu nhập tính thuế | [35] | |
| 2 | Mức thuế suất | [36] | |
| 3 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp | [37] | |

(Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 08/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI TẠM NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|---|-------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu phát sinh | [21] | |
| 2 | Tổng chi phí phát sinh | [22] | |
| 3 | Tổng thu nhập chịu thuế | [23] | |
| 4 | Các khoản giảm trừ | [24] | |
| | a Cho bản thân | [25] | |
| | b Cho người phụ thuộc | [26] | |
| | c Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học | [27] | |
| | d Các khoản đóng bảo hiểm được trừ | [28] | |
| | e Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ | [29] | |
| 5 | Thu nhập tính thuế | [30] | |
| 6 | Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) tạm tính | [31] | |
| 7 | Thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế | [32] | |

| | | | |
|---|---------------------|------|--|
| 8 | Thuế TNCN được giảm | [33] | |
| 9 | Thuế TNCN tạm nộp | [34] | |

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 08A/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI TẠM NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

I. KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG KỲ CỦA NHÓM KINH DOANH:

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|---|-------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu phát sinh | [21] | |
| 2 | Tổng chi phí phát sinh | [22] | |
| 3 | Tổng thu nhập chịu thuế | [23] | |
| 4 | Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế | [24] | |

II. THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ TẠM NỘP CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM:

| STT | Họ và tên | Mã số thuế | Tỷ lệ chia TNCT | Thu nhập chịu thuế | | Các khoản giảm trừ | Thu nhập tính thuế | Thuế TNCN tạm tính | Thuế TNCN được giảm | Thuế TNCN tạm nộp |
|------------------|-----------|------------|-----------------|--------------------|--|--------------------|--------------------|--------------------|---------------------|-------------------|
| | | | | Tổng số | Trong đó: thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế | | | | | |
| [25] | [26] | [27] | [28] | [29] | [30] | [31] | [32] | [33] | [34] | [35] |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | [36] | [37] | | [38] | [39] | [40] | [41] | [42] | [43] |

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: Thu nhập cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 08B/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|---|-------------|---------|
| 1 | Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ | [21] | |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | [22] | |
| 3 | Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ | [23] | |
| 4 | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh [24]=[21]-[22]-[23] | [24] | |
| 5 | Doanh thu hoạt động tài chính | [25] | |
| 6 | Chi phí tài chính | [26] | |
| 7 | Thu nhập từ hoạt động tài chính [27]=[25]-[26] | [27] | |
| 8 | Thu nhập khác | [28] | |
| 9 | Chi phí khác | [29] | |
| 10 | Thu nhập chịu thuế khác [30]=[28]-[29] | [30] | |
| 11 | Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ | [31] | |

12

Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ

[32]

CHI TIẾT THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM

| STT [33] | Họ và tên [34] | Mã số thuế [35] | Tỷ lệ chia TNCT [36] | TNCT tương ứng | | Các khoản giảm trừ [39] | Thu nhập tính thuế [40] | Thuế TNCN [41] | Thuế TNCN được giảm [42] | Thuế TNCN đã tạm nộp [43] |
|------------------|-------------------|--------------------|-------------------------|-----------------|--|----------------------------|----------------------------|-------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | | | | Tổng số [37] | Trong đó: thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế [38] | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | [44] | [45] | [46] | | [47] | [48] | [49] | [50] | [51] |

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: Thu nhập cá nhân)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/QT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN²⁴
(*Áp dụng cho cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Số tài khoản ngân hàng (nếu có): [12a] Mở tại:

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):

[14] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

 -

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] Email:

[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

| STT | Chỉ tiêu | | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số tiền/Số người |
|-----|---|--|-------------|-------------|------------------|
| 1 | Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [22]=[23]+[26] | | [22] | VND | |
| | a | Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam | [23] | VND | |
| | | Tổng TNCT làm căn cứ tính giảm thuế | [24] | VND | |
| | Trong đó: | Tổng TNCT được miễn giảm theo Hiệp định | [25] | VND | |
| | b | Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam | [26] | VND | |

²⁴ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

| | | | | |
|-----------|--|------|-------|--|
| 2 | Số người phụ thuộc | [27] | Người | |
| | Các khoản giảm trừ [28]=[29]+[30]+[31]+[32]+[33] | [28] | VNĐ | |
| a | Cho bản thân cá nhân | [29] | VNĐ | |
| b | Cho những người phụ thuộc được giảm trừ | [30] | VNĐ | |
| c | Từ thiện, nhân đạo, khuyến học | [31] | VNĐ | |
| d | Các khoản đóng bảo hiểm được trừ | [32] | VNĐ | |
| e | Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ | [33] | VNĐ | |
| 4 | Tổng thu nhập tính thuế [34]=[22]-[25]-[28] | [34] | VNĐ | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ | [35] | VNĐ | |
| | Tổng số thuế đã tạm nộp, đã khấu trừ, đã nộp trong kỳ [36]=[37]+[38]+[39] + [40] | [36] | VNĐ | |
| a | Đã khấu trừ | [37] | VNĐ | |
| b | Đã tạm nộp | [38] | VNĐ | |
| c | Đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có) | [39] | VNĐ | |
| d | Đã khấu trừ hoặc tạm nộp trùng do quyết toán vắt năm | [40] | VNĐ | |
| | Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [41]=[42]+[43] | [41] | VNĐ | |
| a | Tổng số thuế TNCN được giảm do làm việc trong khu kinh tế | [42] | VNĐ | |
| b | Tổng số thuế TNCN được giảm khác | [43] | VNĐ | |
| 8 | Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [44]=[35]-[36]-[41] >= 0 | [44] | VNĐ | |
| | Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [45] = [35]-[36]-[41] < 0 | [45] | VNĐ | |
| a | Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [46]=[47]+[48] | [46] | VNĐ | |
| Trong đó: | Số thuế hoàn trả vào tài khoản người nộp thuế | [47] | VNĐ | |
| | Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác | [48] | VNĐ | |
| b | Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [49]=[45]-[46] | [49] | VNĐ | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC

THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (Từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | | | Mã chỉ tiêu | Số tiền | | |
|-----|--|---|--|-------------|---------|--|--|
| 1 | Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ [06]=[07]+[10] | | | [06] | | | |
| | a | Thu nhập phát sinh tại Việt Nam: | | [07] | | | |
| | | Trong đó | Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế do làm việc tại khu kinh tế | [08] | | | |
| | b | Thu nhập được miễn giảm theo Hiệp định | | [09] | | | |
| 2 | Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam | | | [10] | | | |
| | Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ [11]=[12]+[13] | | | [11] | | | |
| | a | Tổng số thuế đã khấu trừ theo biểu luỹ tiến từng phần | | [12] | | | |
| 3 | b | Tổng số thuế đã khấu trừ theo mức 10% | | [13] | | | |
| | Tổng số thuế đã tạm nộp tại Việt Nam | | | [14] | | | |
| | Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam | | | [15] | | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC
THU NHẬP TỪ KINH DOANH

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (Từ tháng .../... đến tháng .../...)

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------|---------|
| 1 | Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ | [06] | |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | [07] | |
| 3 | Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ | [08] | |
| 4 | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh [09]=[06]-[07]-[08] | [09] | |
| 5 | Doanh thu hoạt động tài chính | [10] | |
| 6 | Chi phí tài chính | [11] | |
| 7 | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động tài chính [12]=[10]-[11] | [12] | |
| 8 | Thu nhập khác | [13] | |
| 9 | Chi phí khác | [14] | |
| 10 | Thu nhập chịu thuế khác [15]=[13]-[14] | [15] | |
| 11 | Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ [16]=[09]+[12]+[15] | [16] | |
| 12 | Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế | [17] | |
| 13 | Tổng số thuế đã tạm nộp trong kỳ | [18] | |
| 14 | Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam | [19] | |
| 15 | Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam | [20] | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BẢNG KÊ
GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC²⁵
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QTT-TNCN)
[01] Kỳ tính thuế: Năm (Từ tháng .../... đến tháng.../...)

Mẫu số: 02-1/BK-QTT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[04] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[06] Số CMND/ Số hộ chiếu vợ (chồng):.....

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| I. Người phụ thuộc đã có MST/CMND/Hộ chiếu | | | | | | | Thời gian được tính giảm trừ trong năm | |
|--|-----------|-----------|------------|-----------|----------------------|----------------------------------|--|-----------|
| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Mã số thuế | Quốc tịch | Số CMND/ Hộ chiếu | Quan hệ với người nộp thuế | Từ tháng | Đến tháng |
| | | | | | | | | |

²⁵ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

| [09] | [10] | [11] | [12] | [13] | [14] | [15] | [16] | [17] |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

II. Người phụ thuộc chưa có MST/CMND/Hộ chiếu

| STT | Họ và tên | Thông tin trên giấy khai sinh | | | | | | | Quốc tịch | Quan hệ với người nộp thuế | Thời gian được tính giảm trừ trong năm | |
|------|-----------|-------------------------------|------|----------|-------------|------|------|------|-----------|----------------------------|--|-----------|
| | | Ngày sinh | Số | Quyền số | Nơi đăng ký | | | | | | Từ tháng | Đến tháng |
| [18] | [19] | [20] | [21] | [22] | [23] | [24] | [25] | [26] | [27] | [28] | [29] | [30] |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | |

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC
THU NHẬP TỪ XỔ SỐ, BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (Từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|---|-------------|---------|
| 1 | Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp | | [06] | |
| 2 | Chi phí | | [07] | |
| 3 | Thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ | | [08] | |
| 4 | Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế | | [09] | |
| 5 | Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ [10]=[11]+[12]+[13] | | [10] | |
| 5 | a | Tổng số thuế đã khấu trừ từ xổ số | [11] | |
| | b | Tổng số thuế đã khấu trừ từ bảo hiểm | [12] | |
| | c | Tổng số thuế đã khấu trừ từ bán hàng đa cấp | [13] | |
| 6 | Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam | | [14] | |
| 7 | Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam | | [15] | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/BĐS-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN²⁶

(Áp dụng cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày tháng ... năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

A. PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Họ và tên:

[05] Mã số thuế (nếu có): -

[06] Số CMND (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam):

[06a] Ngày cấp: [06b] Nơi cấp:

[07] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt nam):

[08] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):

[09] Mã số thuế: -

[10] Địa chỉ:

[11] Quận/huyện: [12] Tỉnh/Thành phố:

[13] Điện thoại: [14] Fax: [15] Email:

[16] Tên đại lý thuế (nếu có):

[17] Mã số thuế: -

[18] Địa chỉ:

[19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Điện thoại: [22] Fax: [23] Email:

[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

[25] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà:

Số Do cơ quan: Cấp ngày:

²⁶ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

[26] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:.....
Số..... Ngày:.....

[27] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (nếu là mua bán, đổi):
Số:..... Nơi lập..... Ngày lập:.....

Cơ quan chứng thực Ngày chứng thực:

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[28] Họ và tên:

[29] Mã số thuế (nếu có):

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

 -

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

[30] Số CMND/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[31] Đơn xin chuyển nhượng bất động sản (nếu là nhận thừa kế, nhận quà tặng)

Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng: Ngày lập:.....

Cơ quan chứng thực Ngày chứng thực:

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[32] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

| |
|--|
| |
| |
| |

[33] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở

[34] Quyền thuê đất, thuê mặt nước

[35] Bất động sản khác

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[36] Đất

[36a] Địa chỉ thửa đất, nhà ở:

[36b] Vị trí (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

[36c] Loại đất, diện tích :

| Loại đất | Diện tích |
|------------------|-----------|
| Loại đất 1:..... | |
| Loại đất 2:..... | |
| | |

[37] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):

[38] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): đồng

[39] Nhà và các tài sản gắn liền với đất (gọi chung là nhà)

[39a] Cấp nhà:

[39b] Loại nhà:

[39c] Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

[39d] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng [39d.1] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....
 Chuyển nhượng [39d.2] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:

[39e] Giá trị nhà:.....đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THÙA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[40] Loại thu nhập

[40a] Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

[40b] Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng

[41] Giá chuyển nhượng bất động sản hoặc giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:.....

[42] Thu nhập miễn thuế:.....

[43] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản :{[43]= ([41] - [42]) x 2%}:.....đồng

[44] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

{[44] = ([41]-[42]-10.000.000) x 10%}:.....đồng

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

| STT | Họ và tên | Mã số thuế | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số thuế phải nộp (đồng) | Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất |
|-----|-----------|------------|------------------|-------------------------|--------------------------------------|
| 1 | | | | | <input type="checkbox"/> |
| 2 | | | | | <input type="checkbox"/> |
| ... | | | | | <input type="checkbox"/> |

VII. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

.....,ngàytháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ (BAO GỒM CẢ ĐỒNG SỞ HỮU (nếu có)) hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B. PHẦN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế (nếu có): -

I. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYÊN NHƯỢNG

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất
 2. Quyền sử hữu hoặc sử dụng nhà ở
 3. Quyền thuê đất, thuê mặt nước
 4. Các bất động sản khác

100

II. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYÊN NHUỢNG

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:

Số nhà, đường phố.....

Thôn, xóm.....

Phường/xã:.....

Quận/huyện.....

Tỉnh/ thành phố.....

2. Loại đất:.....

3. Loại đường/khu vực:

4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....

5. Cấp nhà: Loại nhà:

3

3.1. Điện tích (m⁻¹).....

6.2. Đơn giá (đơn vị).....

6.5. Tông giá trị hóa.....

9. Diện tích đất, Đơn giá một mét vuông đất, Giá trị đất.

| Loại đất | Diện tích | Đơn giá | | Gia trị đất |
|----------|-----------|---------|--|-------------|
|----------|-----------|---------|--|-------------|

| [9.1] | [9.2] | [9.3] | (=diện tích x Đơn giá) [9.4] |
|-------------------|-------|-------|---------------------------------|
| Loại đất 1: | | | |
| Loại đất 2:..... | | | |
| ... | | | |
| Tổng | | | [9.5] |

III. THU NHẬP TỪ CHUYÊN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Căn cứ xác định số thuế phải nộp
 - 1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:.....đồng [A1]
 - 1.2. Giá đất, giá tính lệ phí trước bạ nhà do Ủy ban nhân dân quy định ($= [8.3] + [9.5]$):.....
.....đồng [A2]
 - 1.3. Thu nhập được miễn thuế:.....đồng [A3]
 - (Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)
 2. Cách xác định số thuế phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A1]-[A3]) x 2% =x2%

-Trường hợp 2: $[A1] < [A2]$

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3]) x 2% =x2%

3. Cách xác định số thuế phải nộp với thừa kế, quà tặng là bất động sản

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3] - 10.000.000) x 10% =x10%

4. Số thuế thu nhập cá nhân phát sinh:đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

| STT | Họ và tên | Mã số thuế | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số thuế phải nộp (đồng) | Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất |
|-----|-----------|------------|------------------|-------------------------|--------------------------------------|
| 1 | | | | | <input type="checkbox"/> |
| 2 | | | | | <input type="checkbox"/> |

| | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|
| ... | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|

**V. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN
THUẾ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN**

Căn cứ vào tờ khai và các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản giữa ông (bà).....và ông (bà)....., cơ quan thuế đã kiểm tra và xác nhận khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của ông (bà).....thuộc diện thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoảnĐiều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân với số tiền được miễn là...../.

....., ngày ... tháng năm....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT (CCT)

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO²⁷

Nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản

Kính gửi: Ông/ Bà/Tổ chức

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../VPDK ngày.....tháng.....năm của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà), cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thửa đất số: Tờ bản đồ số:
Số nhà, đường phố.....
Thôn, xóm.....
Phường/xã:.....
Quận/huyện.....
Tỉnh/ thành phố.....
2. Loại đất:.....
3. Loại đường/khu vực:
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
5. Cấp nhà: Loại nhà:
6. Hạng nhà:
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:
8. Diện tích nhà, Đơn giá một mét sàn nhà, giá trị nhà
8.1. Diện tích (m²):

²⁷ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

8.2. Đơn giá (đồng/m²):.....

8.3. Tổng giá trị nhà (đồng):.....

9. Diện tích đất, Đơn giá một mét vuông đất, giá trị đất

| Loại đất [9.1] | Diện tích [9.2] | Đơn giá [9.3] | Giá trị đất (=diện tích x Đơn giá) [9.4] |
|-------------------|--------------------|------------------|--|
| Loại đất 1: | | | |
| Loại đất 2:..... | | | |
| | | | |
| Tổng | | | [9.5] |

II. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Căn cứ xác định số thuế phải nộp

1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:.....đồng [A1]

1.2. Giá đất, giá tính lệ phí trước bạ nhà do Ủy ban nhân dân quy định
(=[8.3]+[9.5]):.....đồng [A2]

1.3. Thu nhập được miễn thuế:.....đồng [A3]

(Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)

2. Cách xác định số thuế phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản

- Trường hợp 1: [A1] > [A2]

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A1]-[A3]) x 2% =x2%

- Trường hợp 2: [A1] < [A2]

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3]) x 2% =x2%

3. Cách xác định số thuế phải nộp với thừa kế, quà tặng là bất động sản

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3] - 10.000.000) x 10% =
.....x10%

4. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:đồng

(Viết bằng chữ:)

Nộp theo chươngtiêu mục.....

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (nếu có):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Họ và tên | Mã số thuế | Số thuế phải nộp |
|-----|-----------|------------|------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| ... | | | |
|-----|--|--|--|

5. Địa điểm nộp:.....

6. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/ Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào Ngân sách Nhà nước thì Ông/ Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/ Bà liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại: địa chỉ:để được hướng dẫn cụ thể.

Cơ quan thuế.....thông báo để Ông/ Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN

...,ngày ... tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thuế thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan thuế:

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế :.....đồng

(Viết bằng chữ:)

..., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 12/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày tháng ... năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỀN NHƯỢNG VỐN, CHUYỀN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN KHAI TRỰC TIẾP.

[04] **Tên người nộp thuế:**

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] **Tên tổ chức khai thay (nếu có):**

[13] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] **Tên đại lý thuế (nếu có):**

[21] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|

[22] Địa chỉ:

[23] Quận/huyện: [24] Tỉnh/thành phố:

[25] Điện thoại: [26] Fax: [27] Email:

[28] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:.....

[29] Hợp đồng chuyển nhượng vốn số: Ngày tháng năm

[30] Giấy phép đăng ký kinh doanh số: Ngày tháng năm

Cơ quan cấp: Ngày cấp:

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN NHẬN CHUYỀN NHƯỢNG VỐN, CHUYỀN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN KHAI TRỰC TIẾP.

[31] Họ và tên:

[32] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|

[33] Số CMND/hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):

[34] Địa chỉ:

[35] Quận/huyện: [36] Tỉnh/thành phố:

[37] Điện thoại:..... [38] Fax:..... [39] Email:

III. CHI TIẾT TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----------|---|-------------|---------|
| I | Thu nhập từ chuyển nhượng vốn | | |
| 1 | Giá chuyển nhượng | [40] | |
| 2 | Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng | [41] | |
| 3 | Chi phí chuyển nhượng | [42] | |
| 4 | Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn $[43]=[40]-[41]-[42]$ | [43] | |
| 5 | Số thuế phải nộp | [44] | |
| 6 | Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | [45] | |
| 7 | Số thuế còn phải nộp $[46]=[44]-[45]$ | [46] | |
| II | Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp | | |
| 1 | Giá chuyển nhượng | [47] | |
| 2 | Số thuế phải nộp | [48] | |
| 3 | Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | [49] | |
| 4 | Số thuế còn phải nộp $[50]=[48]-[49]$ | [50] | |

(Chú ý: Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỤC THUẾ.....
 (CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT (CCT)

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/ Bà/Tổ chức.....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin của cơ quan, đơn vị
 ngày.... tháng.....năm..... và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà)
 , cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập
 cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----------|---|-------------|---------|
| I | Thu nhập từ chuyển nhượng vốn | | |
| 1 | Giá chuyển nhượng | [01] | |
| 2 | Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng | [02] | |
| 3 | Chi phí chuyển nhượng | [03] | |
| 4 | Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn | [04] | |
| 5 | Số thuế phải nộp | [05] | |
| 6 | Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | [06] | |
| 7 | Số thuế còn phải nộp | [07] | |
| II | Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp | | |
| 1 | Giá chuyển nhượng | [08] | |
| 2 | Số thuế phải nộp | [09] | |
| 3 | Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | [10] | |
| 4 | Số thuế còn phải nộp | [11] | |

- [12] Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp: đồng
(Viết bằng chữ:)
- [13] Nộp theo chương tiêu mục
- [14] Địa điểm nộp:
- [15] Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/ Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào NSNN thì Ông/ Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/ Bà liên hệ với cơ quan thuế theo số điện thoại: địa chỉ: để được hướng dẫn cụ thể.

II. XÁC NHẬN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHÁT SINH SỐ THUẾ PHẢI NỘP

Cơ quan thuế xác nhận ông/bà đã hoàn thành nghĩa vụ khai thuế thu nhập cá nhân và không phát sinh số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.

Cơ quan thuế thông báo để Ông/ Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN

..., ngày ... tháng năm
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

- Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan Thuế:
- Số tiền chậm nộp tiền thuế: đồng.

(Viết bằng chữ:)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp cá nhân được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì cơ quan thuế không phải ra thông báo này

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 13/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Số tài khoản (chứng khoán): [12a] Mở tại:

[12b] Số tài khoản (ngân hàng): [12c] Mở tại:

[13] Tên đại lý thuế:

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] Email:

[21] Hợp đồng đại lý thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------|---------|
| A | XÁC ĐỊNH THU NHẬP TÍNH THUẾ | | |
| 1 | Tổng giá trị chứng khoán bán ra | [22] | |
| 2 | Tổng giá trị chứng khoán mua vào | [23] | |
| 3 | Các chi phí liên quan | [24] | |
| 4 | Thu nhập chịu thuế $[25]=[22]-[23]-[24]$ | [25] | |
| B | XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP CẢ NĂM | | |
| 1 | Số thuế phải nộp trong kỳ | [26] | |
| 2 | Số thuế đã khấu trừ theo thuế suất 0,1% trong kỳ | [27] | |
| 3 | Số thuế còn phải nộp $[28]=[26]-[27] > 0$ | [28] | |
| 4 | Số thuế nộp thừa ($[29]=[26]-[27] < 0$) | [29] | |

| | | | |
|---|---|---|------|
| | Số thuế đề nghị hoàn trả [30]=[31]+[32] | [30] | |
| a | Trong đó: | Số thuế hoàn trả vào tài khoản người nộp thuế | [31] |
| | | Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác | [32] |

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC
BẢNG KÈ CHI TIẾT
CHỨNG KHOÁN ĐÃ CHUYỂN NHƯỢNG TRONG NĂM
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 13/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Mã chứng khoán | Giá bán | Giá mua | Chi phí | Thu nhập chịu thuế | Chứng từ | | |
|------------------|----------------|---------|---------|---------|---------------------|---------------------|----------------------|---------------------------|
| | | | | | | Số thuế đã khấu trừ | Số, kí hiệu chứng từ | Ngày, tháng, năm chứng từ |
| [06] | [07] | [08] | [09] | [10] | [11]=[08]-[09]-[10] | [12] | [13] | [14] |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | [15] | [16] | [17] | [18] | [19] | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 14/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày tháng ... năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

A - PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

I. Thông tin cá nhân nhận thừa kế, quà tặng

1. Họ và tên:

2. Mã số thuế:

3. Quốc tịch:

4. Địa chỉ:

5. Quận/huyện: 6. Tỉnh/thành phố:

7. Điện thoại: 8. Fax: 9. Email:

10. Tên đại lý thuế (nếu có):

11. Mã số thuế:

12. Địa chỉ:

13. Quận/huyện: 14. Tỉnh/thành phố:

15. Điện thoại: 16. Fax: 17. Email:

18. Họ đồng đại lý thuế:

II. Văn bản giao nhận thừa kế, quà tặng

Làm tại: ngày tháng năm

đã được Cơ quan công chứng chứng nhận ngày tháng năm

III. Thông tin về cá nhân cho thừa kế, quà tặng

1. Họ và tên:

2. Mã số thuế:

3. Quốc tịch:

4. Địa chỉ:

5. Điện thoại: 6. Fax: 7. Email:

IV. Giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản thừa kế, quà tặng số:
..... Do cơ quan: Cấp ngày:

V. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng

1. Chứng khoán

2. Vốn góp

3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

VI. Thu nhập thừa kế, quà tặng

Số tiền: đồng

(Viết bằng chữ:.....)

VII. Thu nhập được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Số tiền:đồng

(Viết bằng chữ:.....)

(Chú ý: Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...,ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B - XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

I. Thông tin về cá nhân nộp thuế

1. Họ và tên:

2. Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

3. Quốc tịch:

II. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng

1. Chứng khoán

2. Vốn góp

3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

| |
|--|
| |
| |
| |

III. Xác định thu nhập chịu thuế và số thuế thu nhập cá nhân phải nộp (đối với trường hợp phải nộp thuế)

1. Thu nhập chịu thuế (= Giá trị tài sản thừa kế, quà tặng tại thời điểm cá nhân nhận tài sản):.....đồng

2. Thu nhập tính thuế (= Thu nhập chịu thuế - Thu nhập miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần - 10 triệu đồng):.....đồng

3. Thuế thu nhập cá nhân phải nộp (= Thu nhập tính thuế x 10%):.....đồng.

...,ngày ... tháng... năm.....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT (CCT)

...,ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/ Bà

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin của cơ quan, đơn vị.....
ngày.....tháng.....năm.....và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà).....
....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân
ông (bà) phải nộp như sau:

I. LOẠI TÀI SẢN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

1. Chứng khoán
2. Vốn góp
3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

| | |
|--|--|
| | |
| | |
| | |

II. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng:
2. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:.....đồng
(Viết bằng chữ:)
Nộp theo chương tiêu mục.....
3. Địa điểm nộp:.....
4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông
báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/ Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này
vào NSNN thì Ông/ Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý
thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi
hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/ Bà liên hệ với(tên cơ quan thuế)
..... theo số điện thoại: địa chỉ: để được
hướng dẫn cụ thể.

.....(Tên cơ quan thuế)..... thông báo để Ông/ Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN
....,ngày ... tháng năm
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan Thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế :.....đồng.
(Viết bằng chữ:

.....,ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp cá nhân được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì cơ quan thuế không phải ra thông báo này

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/ĐK-NPT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CÁNH²⁸

[01] Lần đầu: [02] Bổ sung lần thứ:

[03] Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....

[04] Mã số thuế:

[05] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:.....

[06] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

.....

[07] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

I. Người phụ thuộc đã có MST/CMND/Hộ chiếu

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Mã số thuế | Quốc tịch | Số CMND / Hộ chiếu | Quan hệ với người nộp thuế | Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm) | Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm) |
|------|-----------|-----------|------------|-----------|--------------------|----------------------------|---|--|
| [08] | [09] | [10] | [11] | [12] | [13] | [14] | [15] | [16] |
| 1 | | | | | | | | |

²⁸ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

| | | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

II. Người phụ thuộc chưa có MST/CMND/Hộ chiếu

| STT | Họ và tên | Thông tin trên giấy khai sinh | | | | | | | | Quốc tịch | Quan hệ với người nộp thuế | Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm) | Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm) | | | | |
|------|-----------|-------------------------------|------|----------|-------------|-----------------|-------------|------------|------|-----------|----------------------------|---|--|--|--|--|--|
| | | Ngày sinh | Số | Quyển số | Nơi đăng ký | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | Quốc gia | Tỉnh/ Thành phố | Quận/ Huyện | Phường/ Xã | | | | | | | | | |
| [17] | [18] | [19] | [20] | [21] | [22] | [23] | [24] | [25] | [26] | [27] | [28] | [29] | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

Số: /TB-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Mã số thuế người phụ thuộc

Kính gửi: Ông/ Bà
Mã số thuế:
Địa chỉ:

Cục Thuế thông báo mã số thuế người phụ thuộc của người nộp thuế như sau:

| STT | Tên người phụ thuộc | Mã số thuế người phụ thuộc | Ngày cấp mã số thuế |
|-----|---------------------|----------------------------|---------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| .. | | | |

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế người phụ thuộc theo đúng quy định kể từ ngày nhận được thông báo này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 07/CTKT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG TỪ KHẨU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN²⁹**

Kính gửi:

1. **Tên tổ chức, cá nhân trả thuế thu nhập:**

2. Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

3. Địa chỉ:

4. Số điện thoại: 5. Số fax:

6. Số tài khoản: 7. Nơi mở tài khoản:

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi một số điều Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, đề nghị cơ quan thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho tôi (đơn vị chúng tôi).

Tôi (đơn vị chúng tôi) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo đúng các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế./.

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

²⁹ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 08/MGT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIẢM THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN³⁰

Kính gửi:

[01] Họ và tên:

[02] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

[03] Địa chỉ:

[04] Số tài khoản ngân hàng: Mở tại:

Đề nghị được giảm thuế thu nhập cá nhân với lý do và số thuế giảm cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị giảm thuế:

.....

2. Năm đề nghị được giảm thuế:

3. Căn cứ xác định số thuế được giảm:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------|---------|
| 1 | Tổng số tiền bị thiệt hại | [05] | |
| 2 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phải nộp trong năm đề nghị giảm thuế | [06] | |
| 3 | Tổng số thuế TNCN đã nộp (hoặc tạm nộp) trong năm bị thiệt hại đề nghị giảm thuế | [07] | |
| 4 | Tổng số thuế TNCN được hoàn thuế (nếu có) | [08] | |

4. Các tài liệu gửi kèm:

a. Các tài liệu chứng minh số thuế đã nộp (hoặc tạm nộp) trong năm đề nghị giảm thuế:

³⁰ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

b. Các tài liệu khác:

.....

.....

....., ngày tháng năm

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 19/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ kinh doanh, đầu tư vốn, bản quyền,
nhượng quyền thương mại, trúng thưởng từ nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| <input type="text"/> | <input type="text"/> | <input type="text"/> |
|----------------------|----------------------|----------------------|

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền |
|---|--|-------------------|---------|
| I Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú | | | |
| 1 | Tổng thu nhập tính thuế | [21] | |
| 2 | Thuế suất | [22] | |
| 3 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp [23]=[21]*[22] | [23] | |
| II Thu nhập từ đầu tư vốn | | | |
| 1 | Tổng thu nhập chịu thuế | [24] | |
| 2 | Tổng số thuế phải nộp | [25] | |
| 3 | Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài | [26] | |
| 4 | Số thuế còn phải nộp [27]=[25]-[26] | [27] | |
| III Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại | | | |

| | | | |
|-----------|-------------------------------------|------|--|
| 1 | Tổng thu nhập chịu thuế | [28] | |
| 2 | Tổng số thuế phải nộp | [29] | |
| 3 | Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài | [30] | |
| 4 | Số thuế còn phải nộp [31]=[29]-[30] | [31] | |
| IV | Thu nhập từ trúng thưởng | | |
| 1 | Tổng thu nhập chịu thuế | [32] | |
| 2 | Tổng số thuế phải nộp | [33] | |
| 3 | Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài | [34] | |
| 4 | Số thuế còn phải nộp [35]=[33]-[34] | [35] | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số: 20/TXN-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm.....

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: (*Tên tổ chức/cá nhân*).....
Tôi xin xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên:.....

2. Chức vụ (nếu có):.....

Được bổ nhiệm tới công tác tại Việt Nam với các chi tiết sau:

3. Ngày đến Việt Nam:ngày....tháng.....năm.....

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 nămđến ngày 31 tháng 12
năm.....

Số tiền là.....đồng

Trong đó:

a. Tại Việt nam:.....đồng

b. Tại nước ngoài:.....đồng

5. Các khoản bị khấu trừ ngoài Việt Nam (nếu có):.....

- Thuế thu nhập cá nhân:.....

- Bảo hiểm xã hội hoặc các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự:.....

- Các khoản bị khấu trừ khác:.....

6. Tiền thuê nhà cho ông/bàtại Việt Nam là do(ghi rõ tên tổ
chức/cá nhân) trả, số tiền là:.....đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
những số liệu đã khai./.

Gửi kèm:

Hợp đồng lao động số.....ngày.....tháng.....năm.....

....., ngày tháng năm ...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG³¹**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) xã/phường.....

Họ và tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chỗ ở hiện nay:

Tôi kê khai người phụ thuộc sau đây tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

| STT | Họ và tên người phụ thuộc | Ngày, tháng, năm sinh | Số CMND/ Hộ chiếu | Quan hệ với người khai | Địa chỉ cư trú của người phụ thuộc | Đang sống cùng với tôi | Không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng |
|-----|---------------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------|--|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Căn cứ theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN thì UBND xã/phường nơi người nộp thuế cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế hoặc UBND xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc không sống cùng người nộp thuế và không có ai nuôi dưỡng.

³¹ Mẫu này thay thế mẫu số 21a/XN-TNCN và 21b/XN-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/ PHƯỜNG (nơi người nộp thuế cư trú trong trường hợp người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế):

UBND xã/phường..... xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) hiện đang sống cùng ông (bà)..... tại địa chỉ
.....
.....
...../.

..... ngày tháng năm

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/ PHƯỜNG (nơi người phụ thuộc cư trú trong trường hợp người phụ thuộc không nơi nương tựa, người nộp thuế đang trực tiếp dưỡng):

UBND xã/phường xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) không nơi nương tựa, đang sống tại xã (phường)
...../.

..... ngày tháng năm

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp người nộp thuế có nhiều người phụ thuộc cư trú tại nhiều xã/phường khác nhau thì người nộp thuế phải lập Bản kê khai để UBND xã/phường từng nơi người phụ thuộc cư trú xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/CK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

BẢN CAM KẾT³²

(Áp dụng cho cá nhân chưa đến mức thu nhập chịu thuế TNCN)

Kính gửi:(Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập).....

1. Tên tôi là:

2. Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

3. Số CMND/hộ chiếu :..... Ngày cấp: Nơi cấp:

4. Địa chỉ cư trú:.....

5. Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

Tôi cam kết rằng, trong năm.....tôi chỉ có thu nhập duy nhất tại.....(tên
tổ chức, cá nhân trả thu nhập).....nhưng ước tính tổng thu nhập không
quá.....(*)..... triệu đồng (ghi bằng chữ.....).....
nên không đến mức phải nộp thuế TNCN.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật
về những số liệu đã khai./.

...., ngày tháng năm.....
CÁ NHÂN CAM KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Số tiền khai tại mục này được xác định bằng mức giảm trừ gia cảnh được tính trong
năm:

VD:

- Trường hợp người cam kết không có người phụ thuộc: số tiền khai là 9 triệu đồng x 12
tháng = 108 triệu đồng.

- Trường hợp người cam kết có 01 người phụ thuộc thực tế phải nuôi dưỡng trong năm là 10
tháng:

$$\text{Số tiền khai} = \frac{108 \text{ triệu}}{\text{đồng}} + \frac{3,6 \text{ triệu}}{\text{đồng}} \times \frac{10}{\text{tháng}} = \frac{144 \text{ triệu}}{\text{đồng}}$$

³² Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC
hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có
hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu
nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số
71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp
dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh
doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng
cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn khi chuyển nhượng)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*):

A - PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Tổ chức phát hành | Mã cổ phiếu | Số lượng cổ phiếu | Mệnh giá cổ phiếu | Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá | Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường) | Thuế phải nộp |
|------|------------------------------|-------------------|----------------------------|-------------------------|---|--|------------------|
| [21] | [22] | [23] | [24] | [25] | [26] | [27] | [28] |
| I. | Cổ phiếu trả thay cổ tức: | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|------------------|------------------------------|--|--|-------------|-------------|-------------|--|
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II. | Lợi tức ghi tăng vốn: | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | [29] | [30] | [31] | |

(Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật
về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B - PHẦN TÍNH THUẾ VÀ THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế

2. Mã số thuế:

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

3. Cách tính thuế phải nộp

Căn cứ hướng dẫn tại tiết d, Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

Thuế phải nộp = thu nhập tính thuế x thuế suất (5%)

Trong đó thu nhập tính thuế được tính như sau:

- Nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì thu nhập tính thuế là:

+ Giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán ([26]); hoặc

+ Số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) mệnh giá ([24]x[25])

- Nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì thu nhập tính thuế là:

+ Số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng ([24] x giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng).

4. Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp : đồng

(*Viết bằng chữ:*)

5 Thông báo của cơ quan thuế:

Yêu cầu Ông (Bà) nộp số tiền thuế nêu trên tại

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày tháng năm

Quá thời hạn nêu trên mà chưa nộp đủ tiền thuế thì người nộp thuế phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẨU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN³³

(Áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác)

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm hoặc quý năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Điện thoại: [08] Fax: [09] Email:

[10] Tên đại lý thuê (nếu có):.....

[12] Dia chí:

[13] Quận/huyện: [14] Tỉnh/thành phố:

[15] Điện thoại: [16] Fax: [17] Email:

[18] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tính: Đồng Kí

Bản đồ hành chính Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số phát sinh trong kỳ | Số lũy kế |
|-----|-------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------|
| I | Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số | | | |

³³ Mẫu này thay thế mẫu số 01/KK-BHĐC và 01/KK-XS ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

| | | | | |
|------------|--|------|--|--|
| 1 | Tổng doanh thu trả trong kỳ | [19] | | |
| 2 | Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế | [20] | | |
| 3 | Tổng số thuế TNCN phát sinh | [21] | | |
| 4 | Số thuế TNCN được giảm | [22] | | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ | [23] | | |
| II | Doanh thu từ hoạt động đại lý bảo hiểm | | | |
| 1 | Tổng doanh thu trả trong kỳ | [24] | | |
| 2 | Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế | [25] | | |
| 3 | Tổng số thuế TNCN phát sinh | [26] | | |
| 4 | Số thuế TNCN được giảm | [27] | | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ | [28] | | |
| III | Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác | | | |
| 1 | Tổng thu nhập trả thuộc diện khấu trừ | [29] | | |
| 2 | Tổng số thuế TNCN phát sinh | [30] | | |
| 3 | Số thuế TNCN được giảm | [31] | | |
| 4 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [32] | | |
| IV | Doanh thu từ hoạt động bán hàng đa cấp | | | |
| 1 | Tổng doanh thu trả trong kỳ | [33] | | |
| 2 | Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế | [34] | | |
| 3 | Tổng số thuế TNCN phát sinh | [35] | | |
| 4 | Số thuế TNCN được giảm | [36] | | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [37] | | |
| V | Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [39]=[23]+[28]+[32]+[37] | [38] | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho doanh nghiệp bảo hiểm trả thu nhập đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm, thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ; công ty quản lý quỹ hưu trí tự nguyện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện; doanh nghiệp bán hàng đa cấp khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của cá nhân tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VND)

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số lượng/Số tiền |
|-----|---|-------------|-------------|------------------|
| I | Thu nhập của đại lý bảo hiểm | | | |
| 1 | Tổng số đại lý bảo hiểm trong kỳ | [21] | Người | |
| 2 | Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm trong kỳ | [22] | VND | |
| 3 | Tổng số đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ | [23] | Người | |
| 4 | Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ | [24] | VND | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ | [25] | VND | |

| | | | | |
|------------|---|-------------|------------|--|
| II | Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ | | | |
| 1 | Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ | [26] | Người | |
| 2 | Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ | [27] | VND | |
| 3 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [28] | VND | |
| III | Thu nhập từ tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện | | | |
| 1 | Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ | [29] | Người | |
| 2 | Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ | [30] | VND | |
| 3 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [31] | VND | |
| IV | Thu nhập từ tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp | | | |
| 1 | Tổng số cá nhân trong kỳ | [32] | Người | |
| 2 | Tổng thu nhập trả cho cá nhân trong kỳ | [33] | VND | |
| 3 | Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ | [34] | Người | |
| 4 | Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ | [35] | VND | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [36] | VND | |
| V | Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [37]=[25]+[28]+[31]+[36] | [37] | VND | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01-1/BK-XSBHDC
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 92/2015/TT-BTC ngày
 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

**BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CÓ PHÁT SINH DOANH THU TỪ
 HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ XỔ SỐ, ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP³⁴**

(Kèm theo Tờ khai 01/XSBHDC của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| STT | Họ và tên NNT | Mã số thuế | Số CMND/ Hộ chiếu | Doanh thu trong năm | Doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế trong năm | Số thuế phát sinh trong năm | Số thuế được giảm trong năm | Số thuế đã khấu trừ trong năm |
|------|---------------------------------------|------------|----------------------|------------------------|---|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
| [06] | [07] | [08] | [09] | [10] | [11] | [12] | [13] | [14] |
| I | Đối với hoạt động đại lý xổ số | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

³⁴ Mẫu này thay thế mẫu số 02-1/BK-BH, 02-2/BK-ĐC và 02-1/BK-XS ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

| | | | | | | |
|------------------|--|------|------|------|------|------|
| Tổng cộng | | [15] | [16] | [17] | [18] | [19] |
| II | Đối với hoạt động đại lý bảo hiểm | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng cộng | | [20] | [21] | [22] | [23] | [24] |
| III | Đối với hoạt động bán hàng đa cấp | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng cộng | | [25] | [26] | [27] | [28] | [29] |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/KK-XS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho công ty xổ số kiến thiết trả thu nhập cho đại lý xổ số)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[14] Dia chí:

三

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam(VND)

Đến tháng 10 năm 1945, sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc hội đã ban hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số lượng/ Số tiền |
|-----|--|-------------|-------------|----------------------|
| 1 | Tổng số đại lý xổ số trong kỳ | [21] | Người | |
| 2 | Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số trong kỳ | [22] | VND | |
| 3 | Tổng số đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ | [23] | Người | |
| 4 | Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ | [24] | VND | |
| 5 | Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ | [25] | VND | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

..., ngày tháng năm

Ho và tên:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Mẫu số: 25/DS-TNCN
 (Ban hành kèm theo Thông
 tư số 151/2014/TT-BTC
 ngày 10/10/2014 của Bộ Tài
 chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN NHẬN THU NHẬP³⁵

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động
 có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Họ và tên | Mã số thuế | Số CMND/ Hộ chiếu | Thu nhập chịu thuế | Các khoản giảm trừ | | | | Thu nhập tính thuế |
|-------------|-----------|------------|----------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------|--------------------------------|--------------------|
| | | | | | Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh | Từ thiện, nhân đạo, khuyến học | Bảo hiểm được trừ | Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ | |
| [06] | [07] | [08] | [09] | [10] | [11] | [12] | [13] | [14] | [15] |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | [16] | [17] | [18] | [19] | [20] | [21] |

³⁵ Mẫu này bổ sung theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

..., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/MBAI
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ MÔN BÀI

[01] Kỳ tính thuế: năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế số:.....ngày

[21] Khai bổ sung cho cơ sở mới thành lập trong năm (đánh dấu “X” nếu có)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Số thứ tự | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Vốn đăng ký, mức thu nhập bình quân tháng | Bậc môn bài | Mức thuế môn bài |
|-----------|---|-------------|---|-------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Người nộp thuế môn bài | [22] | | | |
| 2 | Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương (ghi rõ tên, địa chỉ) | [23] | | | |
| 3 | Tổng số thuế môn bài phải nộp | [24] | | | |

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

Mẫu số: 01/TK-SDDPNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] lần đầu: [03] bổ sung lần thứ:

I/ PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế

[04] Họ và tên:

[05] Ngày tháng năm sinh:

[06] Mã số thuế:

[07] Số CMND/hộ chiếu:

[08] Ngày cấp:

[09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ cư trú :

[10.1] Tổ/thôn:

[10.2] Phường/xã/thị trấn:

[10.3] Quận/huyện:

[10.4] Tỉnh/Thành phố:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Điện thoại:

[12] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):

2. Đại lý thuế (nếu có)

[13] Tên tổ chức:

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[15.1] Phường/xã/thị trấn:

[15.3] Tỉnh/Thành phố:

[15.2] Quận/huyện:

Fax:

Email:

[15.4] Điện thoại:

[15.5] Hợp đồng đại lý thuế:

Số hợp đồng :

Ngày : .../.../.....

3. Thửa đất chịu thuế

[16] Địa chỉ:....

[17] Tổ/Thôn:

[18] Phường/xã/thị trấn:

[19] Quận/huyện:

[20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Là thửa đất duy nhất:

[22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):

[23] Đã có giấy chứng nhận:

Số giấy chứng nhận:

[23.1] Ngày cấp:

[23.2] Thửa đất số:

[23.3] Tờ bản đồ số:

[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp
(đất ở, đất sản xuất kinh doanh...):

[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[24.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích

[24.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích /chưa sử dụng theo đúng quy định:

[24.3] Hạn mức (nếu có):

[24.4] Diện tích đất lấn, chiếm:

[25] Chưa có giấy chứng nhận:

[25.1] Diện tích:

[25.2] Mục đích đang sử dụng:

4. [26] Đồi với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[26.1] Loại nhà:

[26.2] Diện tích:

[26.3] Hệ số phân bô:

5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế: (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đồi tượng chính sách,...).....

6. Đăng ký nộp thuế:

Nộp thuế một lần trong năm

Nộp thuế theo 2 lần trong năm

Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm:

.... , Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

II/ PHAN XAC ĐỊNH CUA CƠ QUAN CHUC NANG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

| | |
|---------------------------|---|
| [29] Ngày tháng năm sinh: | [28] Họ và tên: |
| [31] Số CMND/hộ chiếu: | [30] Mã số thuế: [32] Ngày cấp: [33] Nơi cấp: |

2. Thửa đất chịu thuế

| | | |
|--|---|---|
| [34] Địa chỉ: | [35] Tô/Thôn: | |
| [36] Phường/xã/thị trấn: | [37] Quận/huyện: | [38] Tỉnh/Thành phố: |
| [39] Đã có giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> | Số GCN: | [39.1] Ngày cấp: [39.2] Thửa đất số: [39.3] Tờ bản đồ số: [39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: |
| [39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: | | [39.7] Hạn mức: <i>(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)</i> |
| [39.6] Mục đích sử dụng: | [39.7] Hạn mức: <i>(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)</i> | |

| | |
|--|-------------------|
| [40] Chưa có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/> | [40.1] Diện tích: |
| [40.2] Mục đích đang sử dụng: | |

3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)

4. Căn cứ tính thuế

| | |
|---|---------------------------|
| [42] Diện tích đất thực tế sử dụng: | [43] Hạn mức tính thuế: |
| [44] Thông tin xác định giá đất: | [44.1] Loại đất: |
| [44.2] Tên đường/vùng: | |
| [44.3] Đoạn đường/khu vực: | |
| [44.4] Loại đường: | [44.5] Vị trí/hạng: |
| [44.6] Giá đất: | [44.7] Hệ số (đường/hẻm): |
| [44.8] Giá 1 m ² đất (<i>Giá đất theo mục đích sử dụng</i>): | |

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (*Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh*)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

| | | |
|--|---|---|
| [45] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%) | [46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%) | [47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%) |
| ... | ... | ... |

5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[48] Diện tích: [49] Hệ số phân bổ:

5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[51] Diện tích : [52] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[53] Hệ số phân bổ (*đối với nhà chung cư*):

5.5. Đất lấn chiếm

[54] Diện tích : [55] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[56] Hệ số phân bổ (*đối với nhà chung cư*):

Ngày tháng năm.....

Cán bộ địa chính xã /phường
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm.....

CHỦ TỊCH UBND XÃ /PHƯỜNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/TK-SDDPNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm ...

[02] lần đầu:

[03] bổ sung lần thứ:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

[04] Tên tổ chức:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[06.1] Tô/thôn:

[06.2] Phường/xã/thị trấn:

[06.3] Quận/huyện:

[06.4] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại:

[08] Số tài khoản-tai ngân hàng (nếu có):

[09] Tên tổ chức:

2. Đại lý thuế (nếu có)

[10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Phường/xã/thị trấn:

[11.3] Tỉnh/Thành phố:

[11.2] Quận/huyện:

[11.5] Fax:

[11.6] Email:.....

[11.7] Hợp đồng đại lý thuế :

Số:

Ngày .../.../.....

3. Thửa đất chịu thuế

[12] Địa chỉ:

[13] Tô/Thôn:

[14] Phường/xã/thị trấn:

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Đã có giấy chứng nhận (GCN) số:

[17.1] Ngày cấp:

[17.2] Thửa đất số:

[17.3] Tờ bản đồ số:

[17.4] Diện tích:

[17.5] Mục đích sử dụng:

4. Đối tượng miễn, giảm thuế:

5. Căn cứ tính thuế:

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[20] Thông tin xác định giá đất:

[20.1] Loại đất:

[20.2] Tên đường/vùng:

[20.3] Đoạn đường/khu vực:

[20.4] Loại đường:

[20.5] Vị trí/hạng:

[20.6] Giá đất:

[20.7] Hệ số (đường/hẻm):

[20.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

6. Tính thuế

6.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

| | |
|-----------------|--|
| [21] Diện tích: | [22] Số thuế phải nộp: $[22]=[21]*[20.8]*0,03%$ |
|-----------------|--|

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều hộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

| | | |
|-----------------|---------------------|---|
| [23] Diện tích: | [24] Hệ số phân bổ: | [25] Số thuế phải nộp: $[25]=[23]*[24]*[20.8]*0,03%$ |
|-----------------|---------------------|---|

6.3. Đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích

| | |
|-----------------|---|
| [26] Diện tích: | [27] Số thuế phải nộp ($[27]=[26]*[20.8]*0,03%$): |
|-----------------|---|

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

| | |
|-----------------------------|--|
| [28] Mục đích đang sử dụng: | [29] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư): (Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1) |
| [30] Diện tích: | [31] Giá 1m2 đất: |

| |
|--|
| [32] Số thuế phải nộp ($[32]=[30]*[31]*[29]*0,15%$): |
|--|

| | |
|-----------------------------|--|
| [33] Mục đích đang sử dụng: | [34] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư): (Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1) |
| [35] Diện tích: | [36] Giá 1m2 đất: |

| |
|---|
| [37] Số thuế phải nộp ($[37]=[35]*[36]*[34]*0,2%$): |
|---|

| |
|--|
| 7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm ($[38]=[22]+[25]+[27]+[32]+[37]$): |
|--|

| |
|----------------------------------|
| 8. [39] Số thuế được miễn, giảm: |
|----------------------------------|

| |
|---|
| 9. [40] Tổng số thuế phải nộp: $[40]=[38]-[39]$ |
|---|

| |
|--|
| 10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) ($[41]=[40]*5$): |
|--|

| |
|------------------------|
| 11. Thời hạn nộp thuế: |
|------------------------|

| |
|--|
| <input type="checkbox"/> Nộp thuế một lần trong năm. |
|--|

| |
|---|
| <input type="checkbox"/> Nộp thuế theo 2 lần trong năm. |
|---|

| |
|--|
| <input type="checkbox"/> Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm: |
|--|

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/TK-SDDPNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm ...

[02] lần đầu:

[03] bổ sung lần thứ:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

[04] Tên tổ chức:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[06.1] Tô/thôn:

[06.2] Phường/xã/thị trấn:

[06.3] Quận/huyện:

[06.4] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại:

[08] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):

[09] Tên tổ chức:

2. Đại lý thuế (nếu có)

[10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Phường/xã/thị trấn:

[11.3] Tỉnh/Thành phố:

[11.2] Quận/huyện:

[11.5] Fax:

[11.6] Email:.....

[11.4] Điện thoại:

[11.7] Hợp đồng đại lý thuế :

Số:

Ngày .../.../.....

3. Thửa đất chịu thuế

[12] Địa chỉ:

[13] Tô/Thôn:

[14] Phường/xã/thị trấn:

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Đã có giấy chứng nhận (GCN) số:

[17.1] Ngày cấp:

[17.2] Thửa đất số:

[17.3] Tờ bản đồ số:

[17.4] Diện tích:

[17.5] Mục đích sử dụng:

4. Đối tượng miễn, giảm thuế:

5. Căn cứ tính thuế:

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[20] Thông tin xác định giá đất:

[20.1] Loại đất:

[20.2] Tên đường/vùng:

[20.3] Đoạn đường/khu vực:

[20.4] Loại đường:

[20.5] Vị trí/hạng:

[20.6] Giá đất:

[20.7] Hệ số (đường/hẻm):

[20.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

6. Tính thuế

6.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[21] Diện tích:

[22] Số thuế phải nộp:

$$[22]=[21]*[20.8]*0,03%$$

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều hộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

[23] Diện tích:

[24] Hệ số phân bổ:

[25] Số thuế phải nộp:

$$[25]=[23]*[24]*[20.8]*0,03%$$

6.3. Đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích

[26] Diện tích:

[27] Số thuế phải nộp ($[27]=[26]*[20.8]*0,03\%$):

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[28] Mục đích đang sử dụng:

[29] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):

(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[30] Diện tích:

[31] Giá 1m² đất:

[32] Số thuế phải nộp ($[32]=[30]*[31]*[29]*0,15\%$):

6.5. Đất lán, chiếm

[33] Mục đích đang sử dụng:

[34] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):

(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[35] Diện tích:

[36] Giá 1m² đất:

[37] Số thuế phải nộp ($[37]=[35]*[36]*[34]*0,2\%$):

7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm ($[38]=[22]+[25]+[27]+[32]+[37]$):

8. [39] Số thuế được miễn, giảm:

9. [40] Tổng số thuế phải nộp: $[40]=[38]-[39]$

10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) ($[41]=[40]*5$):

11. Thời hạn nộp thuế:

- Nộp thuế một lần trong năm.
- Nộp thuế theo 2 lần trong năm.
- Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm:

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TKTH-SDDPNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013 /TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính.

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[05] Mã số thuế

1. [04] Họ và tên người nộp thuế:

[06] Địa chỉ:

[06.1] Phường/xã/thị trấn :

[06.2] Quận/huyện:

[06.3] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại:

Fax:

Email:

[08] Số tài khoản ngân hàng (nếu có):

Mở tại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[11] Địa chỉ:

[09] Tên tổ chức:

[11.2] Quận/huyện:

[10] Mã số thuế:

[12] Điện thoại:

[11.1] Phường/xã/thị trấn

[11.3] Tỉnh/Thành phố

3. Kê khai tổng hợp tại:

[13] Quận/Huyện :

[14] Hạn mức đất lựa chọn :m²

4. Tổng hợp các thửa đất trong Tỉnh/Thành phố

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Thửa đất chịu thuế | | | Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận | Giá 1 m ² đất | Diện tích trong hạn mức (m ²) (thuế suất 0,03%) | Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,07%) | Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,15%) | Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp | Số thuế đã kê khai (chưa trừ miễn, giảm thuế) | | | |
|--------------------|-----------|------------|--------------------------------------|--------------------------|--|---|--|--|---|-----------------|------------------|------|
| Địa chỉ thửa đất ở | Phường/Xã | Quận/Huyện | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| C | | | | | | | | | | | | |
| B | | | | | | | | | | | | |
| A | | | | | | | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | Tổng (9) | Tổng (10) | |

(*Kê khai thửa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức trước. Thủ tục kê khai các thửa đất ảnh hưởng đến giá trị diện tích vượt hạn mức và số thuế phải nộp.)

[15] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp {Tổng cột (9) - Tổng cột (10)}:đồng

Đề nghị hoàn trả Trừ vào số phải nộp năm sau

..., Ngày tháng.... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột(4) : Chỉ kê khai tổng hợp với đất ở, có GCN. Lấy từ mục 5.1 trên Thông báo nộp thuế
- Cột (9) = (6)x(5)x 0,03% + (7)x(5)x 0,07% + (8)x(5)x 0,15%
- Cột (10): Số thuế tính cho đất ở trên GCN. Lấy từ mục 7.1 trên Thông báo nộp thuế.

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘP THUẾ

Lần Năm

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thông báo cấp mới mã số thuế cho người nộp thuế như sau:

1. Người nộp thuế:

- Họ và tên:
- Mã số thuế (nếu có):ngày cấp:/...../.....đối với trường hợp cấp MST mới)
- Địa chỉ nhận thông báo:

2. Tên Đại lý thuế (nếu có):

- Mã số thuế:
- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất:

4. Vị trí thửa đất chịu thuế:

- 4.1. Loại đất : Đất ở đô thị; Đất ở nông thôn; Đất sản xuất, kinh doanh:
 - 4.2. Tên đường/vùng:
 - 4.3. Đoạn đường/khu vực:
 - 4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng:
 - 4.6. Hệ số (đường/hẻm): 4.7. Giá 1 m² đất:
5. Diện tích chịu thuế: 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận:
6. Hạn mức:
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:....., Trong đó:
- 7.1. Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận:
 - 7.2. Số thuế tính cho phần diện tích lấn chiếm:
 - 7.3. Số thuế sử dụng không đúng mục đích:
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế tính đến ngày thông báo (với trường hợp thông báo từ lần 2)

| STT | Nội dung | Tiêu mục | Thuế phát sinh trong kỳ | Thuế miễn giảm | Số thuế thửa thiểu của kỳ trước | Số thuế đã nộp | Số thuế còn phải nộp |
|-----|-----------------------|----------|-------------------------|----------------|---------------------------------|----------------|----------------------|
| | Ví dụ: | | | | | | |
| | Thuế đất ở tại đô thị | 1602 | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | |

Số tiền thuế còn phải nộp (viết bằng chữ): đồng.

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày/...../.....

10. Địa điểm nộp thuế:

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ...(*tên cơ quan thuế*)... theo số điện thoại: địa chỉ:

...(*tên cơ quan thuế*)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

Ngày tháng năm
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho tổ chức có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ:

Quận/huyện:

Phường/xã:

Tỉnh/Thành phố

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có) :.....

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện: [14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại: [16] Fax: [17] Email:

[18] Hợp đồng đại lý thuế:.....

| STT | Địa chỉ thửa đất | Tờ bản đồ số | Diện tích | Loại đất | Hạng đất | Định suất thuế | Thuế tính bằng thóc (kg) |
|-----|------------------|--------------|-----------|----------|----------|----------------|--------------------------|
| | [19] | [20] | [21] | [22] | [23] | [24] | [25]=[21]x [24] |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | |

[26] Thuế được miễn, giảm:.....kg.

[27] Thuế phải nộp tính bằng thóc ([27] = [25] – [26]):kg.

[28] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):.....

[29] Thuế phải nộp tính bằng tiền ([29] = [27] x [28]):.....đồng.

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Nếu là đất trồng cây ăn quả trên đất trồng cây hàng năm thuộc đất hạng 1, hạng 2, hoặc hạng 3 thì phải nhân thêm hệ số 1,3.
- Chi tiêu thuế được miễn, giảm: nếu được miễn ghi 100%, nếu được giảm thì ghi tương ứng số % được giảm; đồng thời người nộp thuế phải kèm theo tài liệu chứng minh được miễn, giảm.

UBND.....
.....

Mẫu số: 02/SDNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế

[05] Địa chỉ:

[05.1] Phường/xã:

[05.2] Quận/huyện:

[05.3] Tỉnh/Thành phố

[06] Số địa chính:

[07] Tờ bản đồ số:

| STT | Loại ruộng đất | Phản hộ gia đình, cá nhân tự khai | | | | Phản do UBND xã, đội thuế xác định | | |
|-----|------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------|----------|------------------------------------|----------|-------------------|
| | | Xứ đồng | Ký hiệu thửa | Diện tích (m ²) | Hạng đất | Diện tích (m ²) | Hạng đất | Thuế ghi thu (kg) |
| | [08] | [09] | [10] | [11] | [12] | [13] | [14] | [15] |
| I | Cây hàng năm | | | | | | | |
| 1 | Đất trồng lúa | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 2 | Đất trồng cây hàng năm khác | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 3 | Mặt nước nuôi trồng thủy sản | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| | Công cây hàng năm | | | | | | | |
| II | Cây lâu năm | | | | | | | |
| | Công cây lâu năm | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | |

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

..., Ngày tháng năm

Chủ hộ
(Ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ thuế
(Ký ghi rõ họ tên)

...., Ngày tháng năm

UBND xã, phường, thị trấn
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Một xứ đồng có nhiều thửa đất thì mỗi thửa đất kê khai vào một dòng
- UBND: Ủy ban nhân dân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ:

[06.1] Phường/xã:

[06.2] Quận/huyện:

[06.3] Tỉnh/Thành phố

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có) :

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện:

[14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại:

[16] Fax:

[17] Email:

[18] Hợp đồng đại lý thuế số

ngày

[19] Địa chỉ lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần:

[20] Số thửa: ; Tờ bản đồ số:

[21] Diện tích lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):

[22] Loại cây lâu năm thu hoạch một lần:.....(ghi tên loại cây).....

[23] Diện tích đất khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):

[24] Sản lượng khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (tấn/ha hoặc m³/ha):

[25] Giá bán một đơn vị sản phẩm tại nơi khai thác (đồng/ tấn hoặc đồng/m³):

[26] Giá trị sản lượng khai thác [26] = [24] x [25] x [23]

[27] Thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn, giảm (nếu có):.....đồng

[28] Thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp [28] = ([26] x 4%) - [27]

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật
về số liệu kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
Lần năm

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế (nếu có):

[.3] Địa chỉ liên hệ:

[04] Tổng số thuế tính bằng thóc phải nộp trong năm (kg):

[05] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):

[06] Số thuế tính bằng tiền phải nộp trong năm (đồng):

[07] Số thuế SDĐNN nộp thiếu hoặc nộp thừa của năm trước:

[07.1] . Số thuế SDĐNN nộp thiếu của năm trước:

[07.2] . Số thuế SDĐNN nộp thừa của năm trước:

[08] Số tiền phải nộp kỳ 1. ($[08] = [06] \times 50\% + [07.1] - [07.2]$)

Thời hạn nộp tiền kỳ 1: chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm

[09] Số tiền phải nộp kỳ 2: ($[09] = [06] \times 50\% +$ số tiền thuế còn nợ các kỳ trước):

Thời hạn nộp tiền kỳ 2: chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm

[10] Nơi nộp tiền thuế:

Quá thời hạn trên mà người nộp thuế chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này thì phải chịu tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ...(*tên cơ quan thuế*)...
theo số điện thoại: địa chỉ:

...(*Tên cơ quan thuế*)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP THUẾ

Ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú :

- Chỉ tiêu tổng số thuế tính bằng thóc phải nộp trong năm (kg) được tổng hợp từ số thuế phải nộp của tất cả các lô đất chịu thuế SDĐNN trong địa phương cấp xã do chi cục thuế quản lý, bao gồm cả số thuế bổ sung tính trên diện tích vượt hạn mức.

- Trường hợp người nộp thuế đề nghị được xem chi tiết cách tính ra số thuế phải nộp thì cơ quan thuế in biểu tổng hợp số thuế phải nộp và thông báo cho người nộp thuế biết.

- SDĐNN: sử dụng đất nông nghiệp.

Mẫu số: 01/TSDĐ
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(được bãi bỏ)³⁶

³⁶ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: 02/TSDĐ
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính.)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO

Số: /TB-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(được bãi bỏ)³⁷

³⁷ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: 02/TM&DN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT
(được bãi bỏ)³⁹

³⁹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 77/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/BVMT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156 /2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Tháng... năm
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

- [04] Người nộp thuế:
 [05] Mã số thuế:
 [06] Địa chỉ:
 [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:
 [09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:
 [12] Số tài khoản: [13] tại Ngân hàng / KBNN:
 [14] Nghề nghiệp/ lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính :
 [15] Văn bản uỷ quyền:
 [16] Đại lý thuế (nếu có) :
 [17] Mã số thuế:
 [18] Địa chỉ:
 [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:
 [21] Điện thoại: [22] Fax: [23] Email:
 [24] Hợp đồng đại lý thuế: Số :ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Loại khoáng sản | Số lượng khoáng sản | | Mức phí | Số phí phải nộp trong kỳ |
|------------|--|---------------------|----------|---------|--------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số lượng | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (4) x (5) |
| I | Khoáng sản do cơ sở tự khai thác: | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| II | Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | |

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Từ đến.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[120] Hợp đồng đại lý thuế số: ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Loại khoáng sản | Sản lượng khoáng sản tính phí trong kỳ | | Mức phí | Số phí phải nộp trong kỳ | Số phí đã kê khai trong kỳ | Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai |
|------------|--|--|-----------|---------|--------------------------|----------------------------|--|
| | | Đơn vị tính | Sản lượng | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(6)-(7) |
| I | Khoáng sản do cơ sở tự khai thác: | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| II | Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | |

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày.....tháng..... năm....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/PHLP
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ

(Dành cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng... năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Loại phí, lệ phí | Tiểu mục | Số tiền phí, lệ phí thu được | Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%) | Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ | Số tiền phí, lệ phí phải nộp NSNN |
|-----|------------------|----------|------------------------------|-------------------------------------|---|-----------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) = (4) - (6) |
| | ... | | | | | |
| | Tổng cộng | x | | x | | |

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/PHLP
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156 /TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ

(Dùng cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế :.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế số :.....ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Loại phí, lệ phí | Tiêu mục thu | Số tiền phí, lệ phí thu được | Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%) | Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ | Số tiền phí, lệ phí phải nộp Ngân sách Nhà nước | Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ | Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai |
|------------------|------------------|--------------|------------------------------|-------------------------------------|---|---|---|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) = (4) - (6) | (8) | (9) = (7) - (8) |
| | ... | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | |

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

- [04] Tên người nộp thuế:
[05] Mã số thuế:
[06] Địa chỉ:
[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:
[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:
[12] Đại lý thuế (nếu có) :
[13] Mã số thuế:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:
[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:ngày

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1 Địa chỉ thửa đất:

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất:

1.4. Diện tích (m²):

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày tháng năm

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà:

Loại nhà:

2.2. Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, cho, tặng:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/LPTB
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156 / 2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài
chính)

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BA

(Áp dụng đối với tài sản là máy bay, ô tô, xe máy, tàu, thuyền, súng săn, súng thể thao)

- [01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

A. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KÊ KHAI:

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày

I- ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN:

1. Loại tài sản (ô tô, xe máy, tàu thuyền...):

2. Tên hiệu tài sản:

3. Nước sản xuất:

4. Năm sản xuất:

5. Dung tích xi lanh:

6. Trọng tải (hoặc công suất):

7. Số chỗ ngồi, kể cả chỗ người lái (đối với phương tiện chở khách):

8. Chất lượng tài sản:

9. Số máy:

10. Số khung:

11. Biển kiểm soát:

12. Số đăng ký:

13. Trị giá tài sản (đồng):

(Viết bằng chữ:)

II- NGUỒN GỐC TÀI SẢN:

1. Tổ chức, cá nhân giao tài sản:

2. Địa chỉ:

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển dịch tài sản:

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP HOẶC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BA (lý do):

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

B/ THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BA (dành cho cơ quan thuế):

1. Trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): {Bằng trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ nhân (x) mức thu lệ phí trước bạ (%). Mức thu lệ phí trước bạ được quy định chi tiết cho từng loại tài sản (máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy các loại)}.....

(Viết bằng chữ:

Nộp theo chương tiêu mục

3. Địa điểm nộp:

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày...tháng...năm...

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Không thu lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều 3 Nghị định số ... ngày của Chính phủ:

6. Miễn nộp lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ:

....., ngày..... tháng..... năm

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA

THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BA**

....., ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

C/ PHẦN TÍNH TIỀN CHAM NỘP LÊ PHÍ TRƯỚC BA (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ: _____)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB.... , ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT⁴⁰

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../ VPDK ngày....tháng.....năm 201... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất , hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ, cơ quan thuế..... thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất như sau:

I. ĐỊNH DANH VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

1. Tên chủ tài sản:
2. Mã số thuế (nếu có):
3. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB:
4. Đại lý thuế (nếu có) :
5. Mã số thuế: :
6. Địa chỉ:

II. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:
- Số nhà... Đường phố... Thôn (áp, bản, phum, sóc)... xã (phường)
2. Loại đất
3. Loại đường/khu vực:
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):
5. Cấp nhà:..... Loại nhà:
6. Hạng nhà:
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:
8. Diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ (m^2):
- 8.1. Đất:
- 8.2. Nhà (m^2 sàn nhà):
9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ (đồng/ m^2):
- 9.1. Đất:
- 9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):

III. LPTB DO CƠ QUAN THUẾ TÍNH:

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ:
 - 1.1. Đất (8.1 x 9.1):
 - 2.2. Nhà (7 x 8.2 x 9.2):
 2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng):
- (Viết bằng chữ:)
Nộp theo chươngloại.....khoản.....hạng.....mục.....tiểu mục
3. Địa điểm nộp

⁴⁰ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

4. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này. Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Trường hợp không thu lệ phí trước bạ : Chủ tài sản thuộc diện không phải nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....

.....

.....

.....

.....

6. Trường hợp miễn nộp lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện được miễn nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....

.....

.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ...(*tên cơ quan thuế*)... theo số điện thoại: địa chỉ:
(Cơ quan thuế)..... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BA
Ngày tháng năm 201.....
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II - PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BA (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ so với thông báo của cơ quan Thuế:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho trường hợp Bên Việt nam khai trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm hoặc Lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Bên Việt nam khai trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khai trừ và nộp thuế thay:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

 [08] Tỉnh/thành phố:

[06] Địa chỉ : [07] Quận/huyện: [09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

 [16] Tỉnh/thành phố:

[14] Địa chỉ : [15] Quận/huyện: [17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Nội dung | Mã số thuế | Hợp đồng số.. ngày/ tháng/ năm ... | Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT | Ngày thanh toán | Thuế giá trị gia tăng (GTGT) | | | | Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) | | | | Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước |
|------------------------------|------------|--|---|-----------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---|---|--|---|
| | | | | | Doanh thu tính thuế | Tỷ lệ giá tri gia tăng | Thuế suất thuế giá trị gia tăng | Thuế giá trị gia tăng phải nộp | Doanh thu tính thuế | Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp | Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9=6x7x8) | (10) | (11) | (12) | [13=(10x11)-(12)] | (14)=(9)+(13) |
| 1. Nhà thầu nước ngoài A (*) | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Nhà thầu nước ngoài B (*) | | | | | | | | | | | | | |
| 3. Nhà thầu nước ngoài C (*) | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | | |

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (*Viết bằng chữ*):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..... Ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: (*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh.

Mẫu số: 01/TNKDCK
 Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY CHỨNG NHẬN TÀI KHOẢN LUU KÝ CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU
 (Kèm theo hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Tên khách hàng | Mã chứng khoán | Loại giao dịch (bán chứng khoán/lái trái phiếu) | Đơn vị môi giới | Ngày giao dịch | Ngày thanh toán | Số lượng chứng khoán | Doanh số giao dịch | Ghi chú |
|------------------|----------------|--|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | |

Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔ CHỨC XÁC NHẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/HKNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên Hàng hàng không nước ngoài:.....

[05] Nước cư trú:.....

[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:

[07] Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[09] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....

[10] Quận/huyện:.....[11] Tỉnh/thành phố:.....

[12] Điện thoại:.....[13] Fax:.....[14] E-mail:.....

[15] Tên đại lý thuế (nếu có):

[16] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[17] Địa chỉ:.....

[18] Quận/huyện:..... [19] Tỉnh/thành phố:.....

[20] Điện thoại:.....[21] Fax:.....[22] E-mail:.....

[23] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| ST T | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số phát sinh quý này | Mã chỉ tiêu | Số luỹ kế năm |
|---------|--|-------------------|----------------------------|-------------------|---------------------|
| I | Tổng doanh thu $[24]=[26]+[27]+[28]$ | [24] | | [25] | |
| 1 | Doanh thu bán vé hành khách | [26] | | | |
| 2 | Doanh thu bán vận đơn hàng không | [27] | | | |
| 3 | Doanh thu khác | [28] | | | |
| II | Các khoản giảm trừ doanh thu $[29]=[30]+[31]$ | [29] | | | |
| 1 | Các khoản thu hộ | [30] | | | |
| 2 | Chi hoàn do khách hàng trả lại vé | [31] | | | |
| III | Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp $[32]=[24]-[29]$ | [32] | | [33] | |
| IV | Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế | [34] | | | |
| V | Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ $[35]=[32]\times[34]$ | [35] | | | |
| VI | Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ | [36] | | [37] | |
| VII | Số thuế phải nộp trong kỳ $[38]=[35]-[36]$ | [38] | | [39] | |

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: 01-1/HKNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ

(Dành cho vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai mẫu số 01/HKNN)

[01] Kỳ tính thuế: Từ đến

[02] Tên Hàng hàng không nước ngoài: [03] Nước cư trú:

[04] Tên/họ hiệu phương tiện vận tải:

[05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:

[06] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Kỳ vận chuyển | Cảng đi | Cảng đến | Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | Thuế thu nhập doanh nghiệp đê nghị miễn, giảm |
|------------------|---------|----------|---|-------------------------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải.

Mẫu số: 01-2/HKNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ

(Dành cho trường hợp hoán đổi/ chia chõ trong vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai mẫu số 01/HKNN)

[01] Kỳ tính thuế: Từ đến

[02] Tên Hàng hàng không nước ngoài: [03] Nước cư trú:

[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:

[06] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Kỳ vận chuyển | Cảng đi | Cảng đến | Số chõ hoán đổi/chia (theo thoả thuận hoán đổi/chia chõ) | Số chõ hoán đổi thực tế | Doanh thu quy đổi | Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp | Thuế Thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm |
|---------------|---------|----------|--|-------------------------|-------------------|-------------------------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| Tổng cộng | | | | | | | |

...., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi số chõ được sử dụng miễn phí quy định trong thoả thuận hoán đổi/chia chõ.
- Cột (5) ghi số chõ đã thực tế sử dụng trên máy bay của hãng đối tác.
- Cột (6) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng theo quý đối với số chõ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng trên cơ sở thoả thuận hoán đổi/chia chõ. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển cả năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/VTNN
 Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI

- [01] Kỳ tính thuế: quý năm
 [02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

- [04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
 [05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

 [06] Địa chỉ : [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:
 [09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:
 [12] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [13] Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

 [14] Địa chỉ : [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:
 [17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:
 [20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Tên hàng vận tải nước ngoài | Tên/ hố hiệu phương tiện vận tải | Ngày/tháng/năm | | Cảng đi | Cảng đến | Thuế giá trị gia tăng | | | | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | |
|-----------------------------|----------------------------------|----------------|-----|---------|----------|-----------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------------|
| | | | | | | Doanh thu tính thuế | Tỷ lệ giá trị gia tăng | Thuế suất thuế giá trị gia tăng | Thuế giá trị gia tăng phải nộp | Doanh thu tính thuế | Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp | Số thuế được miễn, giảm theo Hiệp định | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10=7x8x9) | (11) | (12) | (13) | (14=11x12-13) |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..... Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: 01-1/VTNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu, kèm theo Tờ khai 01/VTNN)
[01] Kỳ tính thuế: Quý ...năm...

[02] Tên hàng vận tải nước ngoài: [03] Nước cư trú:

[04] Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:

[05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[06] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Chứng từ vận chuyển | Hoá đơn | | Cảng đi | Cảng đến | Thông tin khách hang (tên, địa chỉ, mã số thuế) | Tổng doanh thu vận chuyển thực tế | Số thuế phải nộp | Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định |
|------------------------|---------|----------------------------------|------------|-------------|---|--------------------------------------|---------------------|---|
| | Số | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | | |
| (1) | (2a) | (2b) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | |

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian

Mẫu số: 01-2/VTNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chõ, kèm theo Tờ khai 01/VTNN)
[01] Kỳ tính thuế: Quý ...năm...

[02] Tên hãng vận tải nước ngoài: [03] Nước cư trú:
 [04] Tên/họ hiệu phương tiện vận tải:

[05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[06] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tiền : Đồng Việt Nam

| Chứng từ vận chuyển | Hoá đơn | | Cảng đi | Cảng đến | Khách hàng (tên, mã số thuế, địa chỉ) | Số chõ hoán đổi/chia (theo thoả thuận hoán đổi/chia chõ) | Số chõ hoán đổi thực tế | Doanh thu quy đổi | Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định |
|---------------------|---------|---------------------------|---------|----------|---------------------------------------|--|-------------------------|-------------------|--|---|
| | Số | Ngày, tháng năm phát hành | | | | | | | | |
| (1) | (2a) | (2b) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | |

...., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi số TEU hoặc số chõ được sử dụng miễn phí quy định trong thoả thuận hoán đổi/chia chõ
- Cột (7) ghi số TEU hoặc số chõ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác
- Cột (8) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chõ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NO
(Kèm theo Tờ khai 01/VTNN)
[01] Kỳ tính thuế: Quý ...năm...

Mẫu số: 01-3/VTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

[02] Tên hàng vận tải nước ngoài: [03] Nước cư trú:
[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[06] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| Chứng từ vận chuyển | Hoá đơn | | Cảng đến | Thông tin khách hàng (tên, mã số thuế, địa chỉ) | Doanh thu lưu công-ten-no (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) | Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định |
|---------------------|---------|----------------------------|----------|---|---|--|---|
| | Số | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | |
| (1) | (2a) | (2b) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | |

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

**TỜ KHAI THUẾ
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI**

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

[06] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....

[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] E-mail:.....

[12] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:.....

[13] Nước cư trú:.....

[14] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....

[15] Mã số thuế tại nước cư trú:

[16] Tên đại lý thuế (nếu có):

[17] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:.....[20] Tỉnh/thành phố:.....

[21] Điện thoại:.....[22] Fax:.....[23] E-mail:.....

[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số phát sinh quý này | Mã chỉ tiêu | Số luỹ kế năm |
|-----|---|-------------|----------------------|-------------|---------------|
| I | Tổng doanh thu $[25]=[27]+[28]$ | [25] | | [26] | |
| 1 | Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm | [27] | | | |
| 2 | Doanh thu khác | [28] | | | |
| II | Các khoản giảm trừ doanh thu $[29]=[30]+[31]$ | [29] | | | |
| 1 | Các khoản thu hộ | [30] | | | |
| 2 | Các khoản chi khác | [31] | | | |
| III | Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp $[32]=[25]-[29]$ | [32] | | [33] | |
| IV | Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế | [34] | | | |
| V | Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ $[35]=[32]\times[34]$ | [35] | | | |
| VI | Số thuế miễn, giảm trong kỳ $[36]=[38]+[39]$ | [36] | | [37] | |
| 1 | Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần | [38] | | | |
| 2 | Số thuế miễn, giảm khác | [39] | | | |
| VII | Số thuế phải nộp trong kỳ $[40]=[35]-[36]$ | [40] | | [41] | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

THÔNG BÁO (Dự kiến)¹

Mẫu số: 01/TBH-TB
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, không thực hiện chế độ kê toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

| | | | | | | | | | | | |
|------------------------|---|----------------------------------|--------------------------|--------------|--------------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--|--|
| 1.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số..... Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... | | | | | | | | | | |
| 1.2 | Tên sử dụng trong giao dịch..... | | | | | | | | | | |
| 1.3.a | Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: A. Nơi làm việc <input type="checkbox"/> B. Nơi lưu trú <input type="checkbox"/> C. Văn phòng ĐD <input type="checkbox"/> D. Cơ sở thường trú <input type="checkbox"/> E. Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ:..... | | | | | | | | | | |
| 1.3.b | Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: | | | | | | | | | | |
| 1.4 | Mã số thuế tại Việt Nam): Nếu không có nêu lí do:..... | | | | | | | | | | |
| 1.5 | Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam: | | | | | | | | | | |
| 1.6 | Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: | | | | | | | | | | |
| 1.7 | Tư cách pháp lý tại Nước ký kết: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%;">A. Pháp nhân</td> <td style="width: 33%; text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td style="width: 33%;">B. Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td style="width: 33%; text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>AB. Khác (Nêu rõ.....)</td> <td colspan="3"><input type="checkbox"/></td> </tr> </table> | | | A. Pháp nhân | <input type="checkbox"/> | B. Liên danh không tạo pháp nhân | <input type="checkbox"/> | AB. Khác (Nêu rõ.....) | <input type="checkbox"/> | | |
| A. Pháp nhân | <input type="checkbox"/> | B. Liên danh không tạo pháp nhân | <input type="checkbox"/> | | | | | | | | |
| AB. Khác (Nêu rõ.....) | <input type="checkbox"/> | | | | | | | | | | |
| 1.8 | Mã số thuế tại Nước ký kết: Nếu không có nêu lí do:..... | | | | | | | | | | |

2. Đại diện được uỷ quyền:

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 2.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) A. CMND <input type="checkbox"/> B. Hộ chiếu <input type="checkbox"/> C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư <input type="checkbox"/> D. Khác(nêu rõ) <input type="checkbox"/> Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... | | |
| 2.2 | Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: | | |
| 2.3 | Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lí do | | |
| 2.4 | Giấy uỷ quyền số ngày..... | | |

¹ Thông báo (dự kiến) được lập thành 02 bản: 01 bản do đối tượng đề nghị áp dụng Hiệp định giữ và 01 bản lưu tại Cơ quan thuế.

| | | | |
|-----|--|--------------------------|---|
| 2.5 | Tư cách pháp lý | | |
| | A. Pháp nhân | <input type="checkbox"/> | D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc <input type="checkbox"/> |
| | B. Liên danh không tạo thành pháp nhân | <input type="checkbox"/> | E. Khác (Nếu rõ.....) <input type="checkbox"/> |
| | C. Đại lý thuế (nếu có) | <input type="checkbox"/> | |

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này)

| | | | |
|-----|---|---|--------------------------------------|
| 3.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) | A. CMND <input type="checkbox"/> | B. Hộ chiếu <input type="checkbox"/> |
| | C. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề <input type="checkbox"/> | D. Khác(nếu rõ) <input type="checkbox"/> | |
| | Số: | | |
| | Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... | | |
| 3.2 | Địa chỉ:..... | Số điện thoại:..... | Số Fax:..... E-mail:..... |
| 3.3 | Mã số thuế:..... | Nếu không có nêu lí do | |
| 3.4 | Tư cách pháp lý: | | |
| | A. Pháp nhân <input type="checkbox"/> | C. Cá nhân hành nghề độc lập <input type="checkbox"/> | |
| | B. Liên danh không tạo pháp nhân <input type="checkbox"/> | D. Khác (Nếu rõ.....) <input type="checkbox"/> | |

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế dự kiến thông báo miễn, giảm (nếu có):

4.2. Mức thuế suất thông báo áp dụng (trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (ghi rõ năm để nghị áp dụng Hiệp định):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc/bản chụp đã được chứng thực Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hoá lãnh sự (cho năm ngay trước năm nộp Thông báo (dự kiến)²);

ii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã hoặc dự kiến ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (mẫu số 01-1/TBH-TB ban hành kèm theo TT số 156/2013/TT-BTC);

iii) Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền);

iv) Tài liệu khác (nếu có).

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

² Trường hợp đã nộp cho Cơ quan thuế bản gốc Giấy chứng nhận cư trú trong năm trước đó, có thể nộp bản sao Giấy chứng nhận cư trú đã được chứng thực.

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.
2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Thông báo này.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ

Cục Thuế

Xác nhận Công ty

Mã số thuế:

Địa chỉ:

1. Đã nộp đầy đủ Hồ sơ Thông báo (dự kiến) thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và

2. Công ty được tạm thời chưa phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm đã ký và sẽ ký kết với các công ty tái bảo hiểm Việt Nam trong năm (ghi rõ năm thông báo áp dụng Hiệp định).

3. Trong vòng quý I của năm (ghi rõ năm liền kề năm thông báo áp dụng Hiệp định), Công ty có trách nhiệm gửi cho Cục Thuế các tài liệu sau để được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

i) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự của năm tính thuế (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định trong trường hợp tại thời điểm nộp Thông báo (dự kiến) chưa có Giấy chứng nhận cư trú của năm thông báo áp dụng Hiệp định).

ii) Thông báo (chính thức) theo mẫu số 02/TBH-TB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

iii) Bản chụp có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi Cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho Cơ quan thuế.

....., ngày tháng năm

CỤC TRƯỞNG
(hoặc) **KT. CỤC TRƯỞNG**
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM ĐÃ HOẶC DỰ KIẾN KÝ KẾT
(Kèm theo Thông báo (dự kiến) ngày.....)

Mẫu số: 01-1/TBH-TB
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

- [01] Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền:
- [02] Mã số thuế:
- [03] Địa chỉ:

- [04] Tên đại lý thuế (nếu có):
- [05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền : Đồng Việt Nam

| STT | Tên Hợp đồng | Đại diện ký kết | | Ngày ký Hợp đồng | Giá trị Hợp đồng thực hiện (nếu có) | Hiệu lực Hợp đồng | | Thuế nhà thầu phải nộp (nếu không được miễn theo Hiệp định) |
|-----|--------------|---|--------------------------------|---------------------|---|-------------------|------------------|---|
| | | Bên Việt Nam (ghi rõ tên, mã số thuế) | Bên nước ngoài ¹ | | | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| ... | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹ Trường hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.

THÔNG BÁO (Chính thức)
 (Tiếp theo Thông báo (dự kiến) ngày/...../.....)

*Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và
 đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh
 không thực hiện chế độ kê toán Việt Nam*

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

| | | | | | | | | | |
|------------------------------|---|---|--------------------------|---|--------------------------|------------------------------|--|--|--------------------------|
| 1.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số:.....</i> Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... | | | | | | | | |
| 1.2 | Tên sử dụng trong giao dịch..... | | | | | | | | |
| 1.3.a | Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: <i>A. Nơi làm việc <input type="checkbox"/> B. Nơi lưu trú <input type="checkbox"/> C. Văn phòng ĐD <input type="checkbox"/> D. Cơ sở thường trú <input type="checkbox"/> E. Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ:.....</i> | | | | | | | | |
| 1.3.b | Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: | | | | | | | | |
| 1.4 | Mã số thuế tại Việt Nam): Nếu không có nêu lí do..... | | | | | | | | |
| 1.5 | Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam: | | | | | | | | |
| 1.6 | Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: | | | | | | | | |
| 1.7 | Tư cách pháp lý tại Nước ký kết: <table border="1"> <tr> <td><i>A. Pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>B. Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>C. Khác (Nêu rõ).....</i></td> <td></td> <td></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table> | <i>A. Pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | <i>B. Liên danh không tạo pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | <i>C. Khác (Nêu rõ).....</i> | | | <input type="checkbox"/> |
| <i>A. Pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | <i>B. Liên danh không tạo pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | | | | | | |
| <i>C. Khác (Nêu rõ).....</i> | | | <input type="checkbox"/> | | | | | | |
| 1.8 | Mã số thuế tại Nước ký kết..... Nếu không có nêu lí do | | | | | | | | |

2. Đại diện được uỷ quyền:

| | | | | | |
|---------------------|---|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| 2.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) <i>A. CMND <input type="checkbox"/> B. Hộ chiếu <input type="checkbox"/> C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư <input type="checkbox"/> D. Khác(nêu rõ) <input type="checkbox"/></i> Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... | | | | |
| 2.2 | Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail: | | | | |
| 2.3 | Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lí do..... | | | | |
| 2.4 | Giấy uỷ quyền sốngày..... | | | | |
| 2.5 | Tư cách pháp lý <table border="1"> <tr> <td><i>A. Pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table> | <i>A. Pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | <i>D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i> | <input type="checkbox"/> |
| <i>A. Pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | <i>D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i> | <input type="checkbox"/> | | |

| | | | | |
|--|---|--------------------------|------------------------------|--------------------------|
| | <i>B. Liên danh không tạo thành pháp nhân</i> | <input type="checkbox"/> | <i>E. Khác (Nêu rõ.....)</i> | <input type="checkbox"/> |
| | <i>C. Đại lý thuế</i> | <input type="checkbox"/> | | |

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này)

| | | | | |
|-----|---|--|--|--|
| 3.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) <input type="checkbox"/> A. CMND <input type="checkbox"/> B. Hộ chiếu <input type="checkbox"/> C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư <input type="checkbox"/> D. Khác(nêu rõ) Số: Ngày cấp: / / tại Cơ quan cấp. | | | |
| 3.2 | Địa chỉ: Số điện thoại: Số Fax: E-mail: | | | |
| 3.3 | Mã số thuế: Nếu không có nêu lí do..... | | | |
| 3.4 | Tư cách pháp lý: <input type="checkbox"/> A. Pháp nhân <input type="checkbox"/> B. Liên danh không tạo pháp nhân <input type="checkbox"/> C. Cá nhân hành nghề độc lập <input type="checkbox"/> D. Khác (Nêu rõ.....) | | | |

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

- 4.1. Số thuế thông báo miễn, giảm (ghi rõ số tiền):
- 4.2. Mức thuế suất thông báo áp dụng (trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):
- 4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (ghi rõ năm để nghị áp dụng Hiệp định):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

- 5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:
-

- 5.2. Giải trình khác:

- 5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hoá lãnh sự trong năm tính thuế đó;

ii) Bản chụp có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi Cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho Cơ quan thuế;

iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền);

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Đè nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.
2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kê cả phần 1 và 2 của Thông báo này.

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM
(Kèm theo Thông báo (chính thức) ngày.....)

Mẫu số: 02-1/TBH-TB
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày 6/
11/2013 của Bộ Tài chính)

[01] Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được uỷ quyền:

[02] Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

[03] Địa chỉ:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

| STT | Loại Hợp đồng | Đại diện ký kết | | Thời gian thực hiện hợp đồng | Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên | Đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng | Các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng |
|-----|--------------------------|--|-----------------------------|------------------------------|--|--------------------------------------|--|
| | | Bên Việt Nam (ghi rõ tên, mã số thuế) | Bên nước ngoài ¹ | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | A: Hợp đồng TBH P&I | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| | B: Hợp đồng TBH kỹ thuật | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: - Trường hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.

- TBH: tái bảo hiểm

THÔNG BÁO NOTICE

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với

Applying for tax exemption or reduction under the Avoidance of Double Taxation Agreement between Viet Nam and (name of the Contracting State/Party) for

Tổ chức (Entity) Cá nhân (Individual)

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

1. Beneficial owner entitled to tax exemption, reduction under the Agreement

| | |
|--------|---|
| 1.1 | Tên đầy đủ:(viết hoa) Full name:(in capitals) <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>Business license or Profession practicing license</i> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> <i>Passport</i> Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency |
| 1.2 | Tên sử dụng trong giao dịch (<i>nếu là tổ chức</i>) Name used in transaction (<i>for entity only</i>) |
| 1.3.a | Địa chỉ tại Việt Nam:..... Address in Viet Nam Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax): E-mail: Địa chỉ trên là (The above address is): <i>Văn phòng ĐĐ</i> <input type="checkbox"/> <i>Cơ sở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Nơi làm việc</i> <input type="checkbox"/> <i>Nơi lưu trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Rep Office</i> <i>Permanent Establishment</i> <i>Workplace</i> <i>Domicile</i> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i> <i>Other</i> <i>Specify</i> |
| 1.3.b. | Địa chỉ giao dịch hoặc làm việc tại Việt Nam (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>)..... Address of transaction or of working place in Viet Nam (<i>if other than the above address</i>) Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax): E-mail: |
| 1.4 | Mã số thuế tại Việt Nam: Tax identification number in Viet Nam Nếu không có nêu lí do If there is no TIN, state the reason |
| 1.5 | Thời gian dự kiến thực hiện hoạt động (hoặc ở) tại Việt Nam: Expected duration of operation carried out (or stay) in Viet Nam |
| 1.6 | Quốc tịch: <i>Nước ký kết</i> <input type="checkbox"/> <i>Nước khác</i> <input type="checkbox"/> Nationality <i>Contracting State</i> <i>Other</i> |
| 1.7 | Địa chỉ tại Nước ký kết: Address in Contracting State Số điện thoại (Tel):..... |

| | | | |
|---|--|---|--------------------------|
| Số Fax (Fax): E-mail: | Địa chỉ trên là (The above address is): | | |
| <i>Noi làm việc</i> <input type="checkbox"/> <i>Noi thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i> | <i>Workplace</i> <i>Domicile</i> <i>Other</i> <i>Specify</i> | | |
| 1.8 Tư cách pháp lý tại Nước ký kết (Legal status in Contracting State): | | | |
| Pháp nhân (<i>Legal entity</i>) | <input type="checkbox"/> | Cá nhân (<i>Individual</i>) | <input type="checkbox"/> |
| Liên danh không tạo pháp nhân <i>Partnership not forming legal entity</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Khác (Nêu rõ.....)</i> <i>Other (Specify)</i> | <input type="checkbox"/> |
| 1.9 Mã số thuế tại Nước ký kết..... Tax identification number in Contracting State Nếu không có nêu lí do If there is no TIN, state the reason | | | |

2. Đại diện được ủy quyền:

2. Authorized representative

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|--|--------------------------|---------------------------------|--------------------------|--|--------------------------|---|--------------------------|---|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|--|--|
| 2.1 | <p>Tên đầy đủ:(viết hoa) Full name:(in capitals)</p> <p><i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>Business license or Profession practicing license</i></p> <p><i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Passport</i> <i>ID</i></p> <p><i>Khác(nêu rõ)</i> <input type="checkbox"/> <i>Other (Specify)</i></p> <p>Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.2 | <p>Địa chỉ (address):.....</p> <p>Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.3 | <p>Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lí do If there is no TIN, state the reason</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.4 | <p>Giấy ủy quyền số: ngày Letter of attorney dated</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| 2.5 | <p>Tư cách pháp lý (Legal status)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 40%; padding: 5px;"><i>Pháp nhân (Legal entity)</i></td> <td style="width: 10%; text-align: center; padding: 5px;"><input type="checkbox"/></td> <td style="width: 40%; padding: 5px;"><i>Cá nhân hành nghề độc lập</i> <i>Individual practicing independent service</i></td> <td style="width: 10%; text-align: center; padding: 5px;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"><i>Liên danh không tạo thành pháp nhân</i> <i>Partnership not forming legal entity</i></td> <td style="text-align: center; padding: 5px;"><input type="checkbox"/></td> <td style="padding: 5px;"><i>Khác (Nêu rõ).....</i> <i>Other (Specify)</i></td> <td style="text-align: center; padding: 5px;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"><i>Đại lý thuế (Tax agent)</i></td> <td style="text-align: center; padding: 5px;"><input type="checkbox"/></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> | | | <i>Pháp nhân (Legal entity)</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Cá nhân hành nghề độc lập</i> <i>Individual practicing independent service</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Liên danh không tạo thành pháp nhân</i> <i>Partnership not forming legal entity</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Khác (Nêu rõ).....</i> <i>Other (Specify)</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Đại lý thuế (Tax agent)</i> | <input type="checkbox"/> | | |
| <i>Pháp nhân (Legal entity)</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Cá nhân hành nghề độc lập</i> <i>Individual practicing independent service</i> | <input type="checkbox"/> | | | | | | | | | | | | |
| <i>Liên danh không tạo thành pháp nhân</i> <i>Partnership not forming legal entity</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Khác (Nêu rõ).....</i> <i>Other (Specify)</i> | <input type="checkbox"/> | | | | | | | | | | | | |
| <i>Đại lý thuế (Tax agent)</i> | <input type="checkbox"/> | | | | | | | | | | | | | | |

3. Đối tượng chi trả thu nhập/sử dụng lao động:

3. Income payer/employer

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập hoặc sử dụng lao động, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

(In case of more than one income payer or employer, a list thereof must be made together with this Notice with all the information below)

| | | | | |
|------|---|--------------------------|--|--------------------------|
| 3.1. | Tên đầy đủ (Full name):..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> <input type="checkbox"/> <i>Business license or Profession practicing license</i> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND</i> <input type="checkbox"/> <i>Passport</i> <i>ID</i> <i>Khác (nêu rõ)</i> <i>Other (Specify)</i> <i>Số (No.):</i> | | | |
| | Ngày cấp:...../...../..... | tại | Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency | |
| 3.2. | Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:..... | | | |
| 3.3. | Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lí do: If there is no TIN, state the reason | | | |
| 3.4. | Tư cách pháp lý (Legal status) | | | |
| | <i>Pháp nhân (Legal entity)</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Cá nhân hành nghề độc lập</i> <i>Individual practicing independent service</i> | <input type="checkbox"/> |
| | <i>Liên danh không tạo pháp nhân</i> <i>Partnership not forming legal entity</i> | <input type="checkbox"/> | <i>Khác (Nêu rõ):.....</i> <i>Other (Specify)</i> | <input type="checkbox"/> |

4. Nội dung miễn, giảm thuế: Contents relating to tax exemption, reduction

- 4.1. Loại và tổng số thu nhập ước tính thông báo miễn, giảm thuế
Type of income and estimated total income applying for tax exemption, reduction
- 4.1.1. Loại thu nhập (Type of income):
- Thu nhập từ bất động sản (Income from immovable property)
 - Thu nhập kinh doanh (Business profit)
 - Thu nhập từ vận tải quốc tế (Income from international traffic)
 - Thu nhập từ tiền lãi cổ phần (Dividends)
 - Thu nhập từ lãi tiền cho vay (Interest)
 - Thu nhập từ tiền bản quyền (Royalties)
 - Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản (Gains from the alienation of property)
 - Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập (Income from independent personal services)
 - Thu nhập từ tiền lương, tiền công (Salaries, wages)
 - Thủ lao giám đốc (Directors' fees)
 - Thu nhập của nghệ sĩ và Vận động viên (Entertainers and Sportsmen)
 - Thu nhập từ tiền lương hưu (Pensions)
 - Thu nhập từ phục vụ Chính phủ (Government service)
 - Thu nhập của sinh viên và Thực tập sinh (Students and Apprentices)
 - Thu nhập của giáo viên, Giáo sư và Nhà nghiên cứu (Teachers, Professors and Researchers)

- Thu nhập khác (Other income). Nêu rõ (Specify):
- 4.1.2. Tổng số thu nhập (Total income):
- 4.2. Thời gian phát sinh thu nhập:
Income-generating duration
- 4.3. Số thuế đề nghị miễn, giảm (hoặc mức thuế suất thông báo áp dụng Hiệp định trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):
Tax amount applying for exemption, deduction (or tax rate applying for application of the Agreement in case of applying for the reduced tax rate)

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:
Information on transactions deriving the income liable to the tax amount applying for application of the Agreement

- 5.1. Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh thu nhập:
Brief description of the business/transactions generating the income
.....
.....
- 5.2. Giải trình khác
Other descriptions
.....
- 5.3. Tài liệu kèm:
Enclosed documents
i)
ii)
iii)
.....

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

I pledge hereby that the supplied information and documents are true and complete and I shall take responsibility before law for these information and documents./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
CERTIFIED TAX AGENT

Họ và tên:

Full name

Chứng chỉ hành nghề số:

Profession licence No.:

....., ngày..... tháng năm

....., day..... month year

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
TAXPAYER or

LEGAL REPRESENTATIVE OF TAXPAYER

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(Sign, full name, title, and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho trường hợp Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày.....đến ngày.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[06] Địa chỉ : [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ : [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

[21] Hợp đồng nhà thầu số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng | | | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------------------|------------|-------------|---------|
| | | Kê khai | Quyết toán | Chênh lệch | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)=(4)-(3) | (8) |
| 1 | Giá trị hợp đồng | | | | |
| 2 | Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng | | | | |
| 3 | Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các Nhà thầu phụ (nếu có) | | | | |
| 4 | Doanh thu tính thuế của Nhà thầu nước ngoài ($4=2-3$) | | | | |
| 5 | Số thuế phải nộp của Nhà thầu nước ngoài ($5=5a+5b$) | | | | |
| 5a | a.Thuế giá trị gia tăng | | | | |
| 5b | b.Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | |

| | | | | | |
|----|--|--|--|--|--|
| 6 | Số thuế đã nộp | | | | |
| 6a | a. Thuế giá trị gia tăng | | | | |
| 6b | b. Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | |
| 7 | Số thuế còn phải nộp ($7=5-6$) | | | | |
| 7a | a. Thuế giá trị gia tăng ($7a=5a-6a$) | | | | |
| 7b | b. Thuế thu nhập doanh nghiệp ($7b=5b-6b$) | | | | |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ.
- Trường hợp có nhiều Nhà thầu nước ngoài thì lập bảng kê chi tiết đối với từng Nhà thầu nước ngoài.

Mẫu số: 02-1/NTNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)

Kỳ tính thuế: từ ngày.....đến ngày.....

Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

| STT | Tên nhà thầu nước ngoài | Nước cư trú | Mã số thuế tại Việt Nam (Nếu có) | Mã số thuế tại nước ngoài (Nếu có) | Số Hợp đồng, ngày | Nội dung Hợp đồng | Địa điểm thực hiện | Thời hạn Hợp đồng | Giá trị của Hợp đồng | | Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng | | Số lượng lao động |
|------------------|-------------------------|-------------|----------------------------------|------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|-------------------|
| | | | | | | | | | Giá trị nguyên tệ | Giá trị tiền Việt Nam quy đổi | Giá trị nguyên tệ | Giá trị tiền Việt Nam quy đổi | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10a) | (10b) | (11a) | (11b) | (12) |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | |

..., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Mẫu số: 02-2/NTNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 156/2013/TT-BTC ngày
 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU
 (Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)
 Kỳ tính thuế: từ ngày.....đến ngày.....

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay (hoặc nhà thầu nước ngoài):.....

Mã số thuế:

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

| STT | Tên nhà thầu phụ | Mã số thuế | Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng (Tên, mã số thuế) | Hợp đồng số, ngày | Nội dung hợp đồng | Địa điểm thực hiện | Thời hạn hợp đồng | Giá trị của hợp đồng | | Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng | |
|------------------|------------------|------------|---|-------------------|-------------------|--------------------|-------------------|----------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|
| | | | | | | | | Giá trị nguyên tệ | Giá trị tiền Việt Nam quy đổi | Giá trị nguyên tệ | Giá trị tiền Việt Nam quy đổi |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9a) | (9b) | (10a) | (10b) |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | |

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....